



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN
DỰ ÁN QIPEDC



NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG

NGƯỜI LỚN ĐIỀC

HỖ TRỢ HỌC SINH KHIẾM THÍNH CẤP TIỂU HỌC THÔNG QUA NGÔN NGỮ KÍ HIỆU

TỔ BIÊN SOẠN TÀI LIỆU

Phiên bản 8.0 ngày 22/7/2020

Thành phố Hồ Chí Minh, 2020

LỜI GIỚI THIỆU

Ở Việt Nam có khoảng 1.2 triệu trẻ khuyết tật có độ tuổi dưới 17, trong đó có khoảng 116.400 học sinh khiếm thính (*trích Tài liệu dự án QIPEDC*). Trong những năm qua, nhà nước đã hỗ trợ cho giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật với những chiến lược khác nhau, tuy nhiên, chất lượng dịch vụ giáo dục vẫn còn hạn chế. Với học sinh khiếm thính, môi trường giao tiếp thông qua ngôn ngữ kí hiệu còn hạn chế, giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu kiến thức và kĩ năng cần thiết về ngôn ngữ kí hiệu để giảng dạy. Ở các cơ sở giáo dục hòa nhập, học sinh khiếm thính học bằng phương pháp nghe nói như các bạn không khiếm thính. Thực tế cho thấy phụ huynh mong muốn trẻ học và giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, nhưng việc lĩnh hội thông tin qua kênh nghe - nói làm các em gặp nhiều khó khăn và điều này ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập. Điều này đã hạn chế việc phát triển năng lực cũng như cơ hội hòa nhập xã hội của học sinh khiếm thính.

Thông qua ngân hàng thế giới, Quỹ hợp tác toàn cầu tài trợ theo kết quả đầu ra (The Global Partnership on Result - Based Aid - GPRBA) đã tài trợ kinh phí không hoàn lại cho chính phủ Việt Nam thực hiện dự án ***Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu*** (Tên tiếng Anh: Quality improvement of primary education for deaf children project - viết tắt là **QIPEDC**). Mục tiêu của dự án QIPEDC là tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục của học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu. Để thực hiện mục tiêu trên, dự án có Hợp phần 2: *Bồi dưỡng giáo viên tiểu học, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, người lớn điếc, phụ huynh học sinh khiếm thính dạy môn Toán và môn Tiếng Việt bằng ngôn ngữ kí hiệu*.

Tập “*Tài liệu bồi dưỡng người điếc lớn hỗ trợ học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu*” này được xây dựng dành cho đối tượng là người điếc lớn có trình độ từ lớp 5 trở lên, có khả năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu ở mức cơ bản trước khi tham gia dự án. Tài liệu bao gồm có 4 chủ đề.

Chủ đề 1. Ngôn ngữ và giao tiếp trong học tập của học sinh khiếm thính

Chủ đề 2. Hỗ trợ học sinh khiếm thính, phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Chủ đề 3. Hỗ trợ giáo viên và nhân viên nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính

Chủ đề 4. Hỗ trợ hoà nhập, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính.

Mỗi chủ đề được thiết kế theo hướng phát triển năng lực người học, với các hoạt động sẽ giúp người điếc lớn có thể nắm được các yêu cầu dự án đề ra trong quá trình hỗ trợ học sinh khiếm thính, giáo viên, nhân viên và phụ huynh thông qua ngôn ngữ kí hiệu. Ngoài ra, ở mỗi chủ đề còn có các câu hỏi đánh giá, đặc biệt là nguồn tài liệu tham khảo giúp người điếc lớn có thể tự nâng cao hiểu biết, phát triển các khả năng hỗ trợ học sinh khiếm thính.

Chân thành cảm ơn!

Nhóm biên soạn

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Chủ đề	Nội dung	Trang
	Lời giới thiệu	1
	Mục lục	3
	Mục tiêu	4
1	Ngôn ngữ và giao tiếp trong học tập của học sinh khiếm thính	5
2	Hỗ trợ học sinh khiếm thính, phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu	14
3	Hỗ trợ giáo viên và nhân viên nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính	38
4	Hỗ trợ hoà nhập, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính	51

MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Hiểu được một số đặc điểm ngôn ngữ và giao tiếp của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học;
- Hiểu được các yêu cầu và nguyên tắc hỗ trợ học sinh khiếm thính, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh;
- Tự học và tạo môi trường giao tiếp thông qua ngôn ngữ kí hiệu ở gia đình, nhóm làm việc;
- Vận dụng được ngôn ngữ kí hiệu để phát triển các kĩ năng cơ bản về giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực xâm hại, bảo vệ bản thân học sinh khiếm thính cấp Tiểu học.

2. Phẩm chất

- Có tinh thần tự học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu;
- Đồng cảm, tôn trọng và có niềm tin về tiềm lực phát triển của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học;
- Sẵn sàng phối hợp với giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh trong hoạt động hỗ trợ học sinh khiếm thính giao tiếp, học tập, hoà nhập cộng đồng.

Chủ đề 1. Ngôn ngữ và giao tiếp trong học tập của học sinh khiếm thính

Số tiết: 6 (3 lí thuyết, 3 thực hành)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Hiểu được vai trò của ngôn ngữ, của giao tiếp của học sinh khiếm thính;
- Vận dụng được các đặc điểm ngôn ngữ, phương thức giao tiếp vào quá trình hỗ trợ học sinh khiếm thính giao tiếp và học tập.

2. Phẩm chất

- Tôn trọng sự đa dạng ngôn ngữ và phương thức giao tiếp của học sinh khiếm thính;
- Sẵn sàng hỗ trợ học sinh khiếm thính trong giao tiếp và học tập.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Ngôn ngữ trong học tập của học sinh khiếm thính

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên giới thiệu bản thân: thông tin chung, sở thích và các đặc điểm trong quá trình học tập của mình.

Cách thức tiến hành:

- Hai học viên giới thiệu bản thân; thông tin chung, sở thích..., cho các học viên khác trong buổi tập huấn. Sau đó hỏi các học viên khác trong lớp bằng câu hỏi theo mẫu câu: “Tôi + (mệnh đề), bạn có giống tôi không?”. Cả lớp dùng kí hiệu trả lời đồng loạt theo qui ước kí hiệu có, không.

- Gợi ý các mệnh đề để học viên sử dụng:

STT	Mệnh đề
1	Đã/ chưa tham gia lớp NNKH
2	Có ít/ nhiều bạn bè
3	Gặp nhiều khó khăn trong học tập thông qua thính giác
4	Có/ chưa có người yêu
5	Là người điếc/ khiếm thính
6	Rất vui khi gặp các bạn



<https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/thong-tin-suc-khoe/nhi/giao-tiep-voi-tre-em-khiem-thinh>



Thông tin cơ bản

Khái niệm khiếm thính

Học sinh khiếm thính là những trẻ bị suy giảm sức nghe ở các mức độ khác nhau, dẫn đến khó khăn trong giao tiếp và ảnh hưởng đến quá trình nhận thức của trẻ [1].

Theo quan điểm giáo dục, khiếm thính gồm điếc và nghe kém. Điếc là tình trạng có khiếm khuyết về thính giác dẫn đến không thể nghe hiểu lời nói ở khoảng cách và cường độ âm thanh bình thường cho dù có dùng hay không dùng thiết bị trợ thính. Nghe kém cũng được dùng để chỉ người điếc nhưng vẫn có khả năng học ngôn ngữ nói [5].

Hoạt động 2: Nhận biết đặc điểm ngôn ngữ viết trong học tập của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên hiểu và trình bày được đặc điểm ngôn ngữ viết trong học tập của học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên kí hiệu một đoạn văn ngắn, học viên nhìn và viết lại đoạn văn vào giấy A4.
- Giảng viên mời học viên đọc bài văn, các học viên còn lại góp ý bổ sung.
- Giảng viên chấm đoạn văn về chính tả và ngữ pháp.



Đặc điểm ngôn ngữ viết của học sinh khiếm thính

Sử dụng ngôn ngữ viết trong học tập nghĩa là học sinh khiếm thính sẽ dùng khả năng đọc hiểu, viết, tiếp nhận và biểu đạt thông tin bằng tiếng Việt trong các hoạt động học tập và giao tiếp cũng như các hoạt động xã hội [3]. Đối với người nghe, việc tiếp thu ngôn ngữ nói thường đi trước việc tiếp thu ngôn ngữ viết. Đối với học sinh khiếm thính, quá trình này thường diễn ra song song, đôi khi những kỹ năng ngôn ngữ viết tiếp thu nhanh hơn ngôn ngữ nói. Tiến trình học ngôn ngữ viết ở học sinh khiếm thính có thể có một số ưu thế hơn so với ngôn ngữ nói do ngôn ngữ viết có thể học bằng thị giác hoặc cả thị giác và thính giác. Ngày nay, học sinh khiếm thính có nhiều yếu tố thuận lợi để tiếp nhận và lĩnh hội ngôn ngữ viết bởi sự phát triển và mở rộng của hệ thống kí hiệu và phương pháp dạy học bằng ngôn ngữ kí hiệu trong các chương trình dạy học cho học sinh khiếm thính.

– Kỹ năng đọc thành tiếng: học sinh khiếm thính có nhiều khó khăn trong các kỹ năng đọc đúng, bao gồm các lỗi về phát âm, ngắt nghỉ đúng chỗ, đúng giọng, và đọc NNKH.

– Kỹ năng đọc hiểu: học sinh khiếm thính gặp nhiều khó khăn trong kỹ năng đọc hiểu văn bản do những hạn chế trong kiến thức từ vựng và ngữ pháp.

– Kỹ năng viết: học sinh khiếm thính thường thể hiện các lỗi về sử dụng từ, ngữ pháp và cách cấu trúc bài trong khi viết, học sinh khiếm thính viết sai ngữ pháp, viết câu đơn, ý nghèo nàn. Học sinh khiếm thính trong khi viết thường dùng từ không đúng với nghĩa của từ, hoặc làm sai lệch các thành phần câu và từ. Đối với những mẫu câu đã học thì viết đúng ngữ pháp còn các mẫu câu mới thì thường viết ngược hoặc sai ngữ pháp.

Hoạt động 3: Nhận biết đặc điểm ngôn ngữ kí hiệu trong học tập của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Nêu những đặc điểm về ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Học viên xem đoạn phim về giao tiếp của học sinh khiếm thính.
- Học viên thảo luận việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính dựa trên các chi tiết đã xem trong đoạn phim.
- Giảng viên kết luận sau khi học viên đã hoàn tất phân tích.



Đặc điểm ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính

Bên cạnh việc sử dụng ngôn ngữ viết, học sinh khiếm thính còn sử dụng những phương tiện ngôn ngữ khác trong học tập. Trong đó ngôn ngữ kí hiệu là phương tiện các em thường sử dụng. Ngôn ngữ kí hiệu là công cụ giao tiếp đặc trưng của người điếc, song muốn diễn đạt tốt bằng NNKH cũng phải học và hiểu cách sử dụng loại hình ngôn ngữ này.

Học sinh khiếm thính cấp Tiểu học ở Việt Nam với vốn kí hiệu ít ỏi, thường các em khó phân định ngôn ngữ kí hiệu và việc sử dụng nhiều cử chỉ điệu bộ trong việc trao đổi các nội dung học tập. Các em thường sử dụng nhiều kí hiệu tự phát kết hợp ngẫu nhiên với giao tiếp bằng cử chỉ điệu bộ để diễn đạt ý nghĩa của kí hiệu. Tuy nhiên, không phải ai cũng có thể hiểu nghĩa của những kí hiệu tự phát đó bởi vì tính hạn hẹp của các kí hiệu tự phát. Để thể hiện được nhiều nội dung trong giao tiếp và học tập, học sinh khiếm thính thường bắt chước kí hiệu lẫn nhau, dẫn đến thiếu sự chính xác và khó hiểu trong việc truyền đạt. Do đó, học sinh khiếm thính thường gặp khó khăn trong việc giao tiếp trong thời gian đầu tham gia vào quá trình học tập tại trường.

Về ngữ pháp, học sinh khiếm thính tiểu học có xu hướng dùng kí hiệu riêng lẻ, không tạo thành câu và sai ngữ pháp ngôn ngữ kí hiệu quy ước. Tuy nhiên, các em lại có khả năng thích ứng và hiệu ứng học tập tốt nên trong môi trường học đường, các em sẽ dễ dàng nắm bắt các quy ước ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam, ít nhầm lẫn giữa kí hiệu tự phát và kí hiệu qui ước.

Hoạt động 4: Tìm hiểu vai trò của các hình thức ngôn ngữ trong học tập của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên nhận biết ngôn ngữ là chất liệu để các quá trình nhận thức diễn ra ngôn ngữ viết và NNKH tham gia vào mọi quá trình học tập của học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Học viên xem đoạn phim hoạt hình và trả lời câu hỏi trong 2 tình huống: có sử dụng kí hiệu và chỉ đọc câu hỏi trên giấy, không kí hiệu.
- Giảng viên mời 2 học viên và đưa ra 2 yêu cầu khác nhau:

+ Học viên 1: nhận phiếu câu hỏi “Có tất cả bao nhiêu con cừu trong đoạn phim?” và trả lời.

+ Học viên 2: nhìn giảng viên kí hiệu câu hỏi và trả lời.

– Giảng viên phân tích kết quả đạt được để thấy vai trò của NNKH trong học tập.



Thông tin cơ bản

Ngôn ngữ có vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của con người. Nhờ sự tham gia của ngôn ngữ vào việc tổ chức, điều chỉnh các hoạt động tâm lí mà tâm lí của con người mang tính mục đích, tính xã hội và tính khái quát cao. Ngoài chức năng là công cụ của giao tiếp, ngôn ngữ còn là công cụ của tư duy và có ảnh hưởng quan trọng tới toàn bộ hoạt động nhận thức của con người.

Các nghiên cứu cho thấy trong quá trình tư duy của học sinh khiếm thính, cử chỉ điệu bộ là phương tiện giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh. Với học sinh khiếm thính, hành vi của các em có tính hợp lí, có suy nghĩ hình thành trên những cơ sở hình tượng cụ thể, những biểu tượng, những tri giác nảy sinh nhờ các cơ quan cảm giác. Như vậy, trong quá trình tư duy của trẻ khiếm thính có sự tham gia của cử chỉ điệu bộ.

Theo khuyến cáo của Liên hiệp quốc và liên đoàn người điếc thế giới thì ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ mẹ đẻ của người điếc và nên được sử dụng trong những mô hình giáo dục của người điếc. Tác giả Cummings cho rằng “ngôn ngữ kí hiệu là công cụ, suy nghĩ giải quyết vấn đề và làm cho trẻ có khả năng thiết lập quan hệ với người khác và tiếp cận được thế giới tư duy” [6]. Vì vậy, việc phát triển ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính ngay từ nhỏ là điều rất quan trọng để trẻ có khả năng thiết lập quan hệ với người khác và phát triển tư duy.

2. Giao tiếp của học sinh khiếm thính

Hoạt động 5: Xác định các phương thức giao tiếp của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên nhận diện được các phương thức giao tiếp của học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

– Học viên xem đoạn phim và trả lời các câu hỏi nhanh dưới dạng **có - không** dựa trên các chi tiết đã xem.

– Giảng viên tổng hợp sau khi học viên đã hoàn việc trả lời câu hỏi.

Câu hỏi trắc nghiệm

STT	Câu hỏi	Có	Không
1	Giao tiếp bằng cử chỉ điệu bộ		
2	Giao tiếp bằng chữ cái ngón tay		
3	Giao tiếp bằng lời		
4	Giao tiếp bằng cách viết ra giấy		
5	Giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu		
6	Giao tiếp bằng cử chỉ điệu bộ và chữ viết		
7	Giao tiếp tổng hợp bằng nhiều phương tiện		
8	Chỉ sử dụng cử chỉ điệu bộ khi giao tiếp		



Thông tin cơ bản

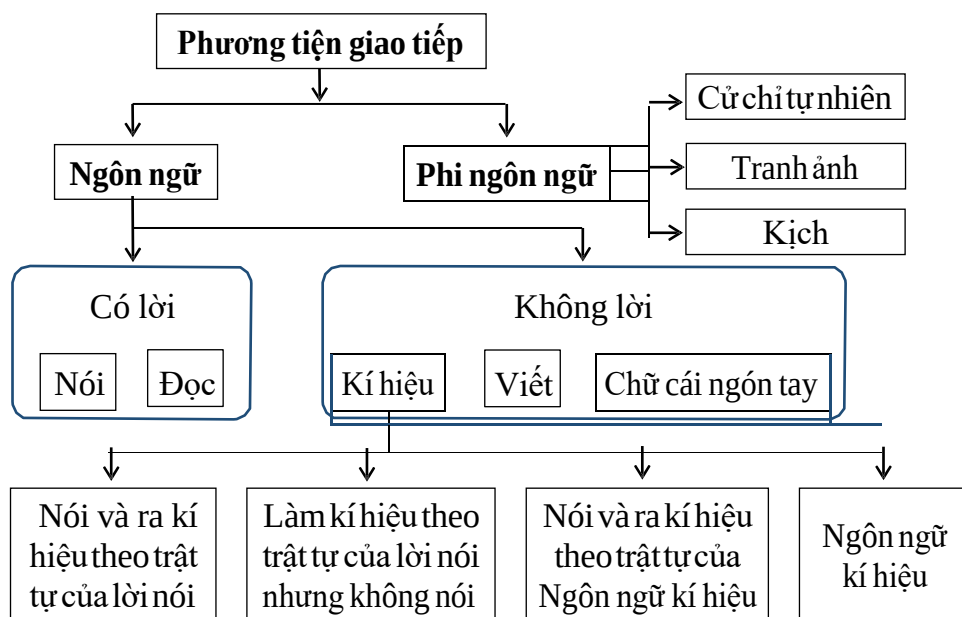
Giao tiếp luôn luôn tồn tại trong xã hội loài người. Hoạt động giao tiếp của con người bao gồm 2 quá trình tiếp nhận và truyền đạt thông tin. Khi tiếp nhận thông tin thì thị giác và thính giác đóng vai trò chủ đạo. Khi truyền đạt thông tin, chúng ta có thể sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, kí hiệu, hình vẽ, cử chỉ điệu bộ tự nhiên, ... Như vậy, có thể thấy trong hoạt động giao tiếp chúng ta thường sử dụng cả ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

– Do tổn thương cơ quan thính giác, ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận và phát triển ngôn ngữ nói, học sinh khiếm thính giao tiếp chủ yếu bằng phi ngôn ngữ và ngôn ngữ không thanh âm như kí hiệu ngôn ngữ, chữ cái ngón tay hay chữ viết. Để giao tiếp hiệu quả, học sinh khiếm thính không sử dụng đơn nhất một phương tiện giao tiếp mà kết hợp nhiều phương tiện với nhau. Tùy thuộc vào khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp mà trẻ có cách thức giao tiếp khác nhau, như:

- Trẻ khiếm thính đã được đi học có thể sử dụng chữ cái ngón tay làm phương tiện giao tiếp với mọi người.
- Trẻ có ngôn ngữ viết thường dùng chữ viết làm phương tiện giao tiếp với người khác.
- Sử dụng Ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ đặc thù làm phương tiện giao tiếp chủ yếu trong cộng đồng người điếc.

Thực tế kết quả nghiên cứu sự phát triển khả năng giao tiếp của trẻ khiếm thính trên thế giới đã khẳng định: dù trẻ có thể bị điếc bẩm sinh nhưng trẻ vẫn sự phát triển khả năng giao tiếp cùng với có khả năng lĩnh hội những kĩ năng kí hiệu, đánh vần

bằng tay, lời nói và viết. Việc lĩnh hội và phát triển các phương tiện giao tiếp đó ở trẻ khiếm thính, dù là khi trẻ chưa có ngôn ngữ, có thể tiến hành theo quá trình như sau:



Sơ đồ phương tiện giao tiếp

Đối với một trẻ khiếm thính nhỏ tuổi, trẻ có thể phát triển và lĩnh hội cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ kí hiệu. Dù sử dụng mã ngôn ngữ nào thì cử chỉ điệu bộ tự nhiên là phương tiện đầu tiên trẻ sử dụng để giao tiếp và hỗ trợ trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ. Việc sử dụng ngôn ngữ nào tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố mà chủ yếu là từ nhu cầu, khả năng của bản thân trẻ. Nhưng thực tế giao tiếp của trẻ khiếm thính cho thấy ngôn ngữ hiệu quả và nhanh chóng hơn chính là ngôn ngữ kí hiệu.

Hoạt động 6: Tìm hiểu vai trò của các phương thức giao tiếp của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên hiểu tầm quan trọng của các phương thức giao tiếp với trẻ khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

– Giảng viên yêu cầu học viên dùng các cơ quan khác nhau trong cơ thể để diễn tả câu: “Nhận được quà, em bé vui ơi là vui!”:

+ Học viên 1: không thể hiện bằng kí hiệu, chỉ dùng cử chỉ, điệu bộ diễn tả câu văn.

+ Học viên 2: dùng tổng hợp các kênh như môi, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, chuyển động, kí hiệu để diễn tả câu văn.

– Các học viên còn lại quan sát và viết lại câu văn.



Thông tin cơ bản

Hiệu quả của giao tiếp bằng ngôn ngữ nói như thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng tham gia của các cơ quan trong cơ thể vào việc giao tiếp. Ở đây, để tạo nên hiệu quả của giao tiếp cần có sự phối, kết hợp của tất cả các giác quan được đặt dưới sự chỉ huy của bộ não. Việc giao tiếp bằng ngôn ngữ nói là hình thức phổ biến nhất trong các hình thức đang tồn tại trong xã hội. Ngoài ra, trong giao tiếp của người khiếm thính nói chung, trẻ khiếm thính nói riêng, ngôn ngữ kí hiệu, cử chỉ điệu bộ, những chất liệu ngôn ngữ phi lời nói được sử dụng, khi đó sự tham gia và vai trò cử chỉ điệu bộ, ngôn ngữ cơ thể, sự đụng chạm, ngôn ngữ kí hiệu sẽ làm tăng hiệu quả và tính chính xác của quá trình trao đổi thông tin.

Trẻ khiếm thính cũng giống như tất cả trẻ em khác đều có thể học giao tiếp. Dù với mức độ thính giác khác nhau, trẻ vẫn có thể giao tiếp bằng cách sử dụng cử chỉ, kí hiệu gia đình, ngôn ngữ kí hiệu hoàn chỉnh, đọc hình miệng và nói. Một số trẻ dù nghe được rất ít cũng sẽ có thể nói và đọc hình miệng. Trong khi đó, những trẻ khác giao tiếp hiệu quả nhất bằng cách dùng ngôn ngữ kí hiệu. Trẻ điếc càng nhỏ học ngôn ngữ kí hiệu càng dễ và tự nhiên - cũng như trẻ nghe học ngôn ngữ nói.

Giao tiếp dùng ngôn ngữ kí hiệu [4]

Vai trò người nói		Người nghe	
Dụng cụ khi vào	Phương tiện	Dụng cụ khi ra	Phương tiện
Mắt	Ngôn ngữ kí hiệu Cử chỉ tự nhiên Kí hiệu mẫu tự Nét mặt Đọc hình miệng	Bàn tay	Bằng ngôn ngữ kí hiệu Bằng cử chỉ tự nhiên Bằng kí hiệu mẫu tự
Tai	Mang máy trợ thính Sự phát triển phần thính lực còn lại	Miệng	Bằng lời

Để có cảm giác tích cực về bản thân và có cảm giác được thuộc về, trẻ điếc cần được gặp gỡ nhau và gặp cả người lớn điếc. Có thể sử dụng người điếc trong cộng đồng để dạy ngôn ngữ kí hiệu cho trẻ.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

- Mô tả đặc điểm ngôn ngữ của học sinh khiếm thính.
- Minh họa vai trò của ngôn ngữ trong học tập của học sinh khiếm thính.

- Liệt kê các phương thức giao tiếp trong học tập của học sinh khiếm thính.
- Trình bày vai trò của giao tiếp trong học tập của học sinh khiếm thính.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dự án phát triển giáo viên tiểu học) (2006), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
2. Lê Thị Minh Hà, Dong-Young Chung (2013), *Nhập môn Giáo dục đặc biệt*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lê Văn Tạc (2010), Chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khiếm thính ở cấp tiểu học, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 54, trang 25.
4. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2005), *Đại cương giáo dục học sinh khiếm thính*, NXB Đại học Sư phạm.
5. Nguyễn Thị Hoàng Yến (chủ biên), Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho, Đỗ Nghiêm Thanh Phương, Đinh Nguyễn Trang Thu (2012), *Giáo dục đặc biệt và những thuật ngữ cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm.
6. Sandy Niemann, Deborah Greenstein, Darlena David (người dịch: Đặng Thị Thục An, Đinh Bích Hạnh, Nguyễn Thị Cẩm Hường) (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động - Xã hội.
7. V.A.Shinhiak, M.M.Nudenman (1999), *Những đặc điểm sự phát triển tâm lí của trẻ điếc*, NXB Chính trị Quốc gia.

Chủ đề 2. Hỗ trợ học sinh khiếm thính, phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Số tiết: 20 (10 lí thuyết, 10 thực hành)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Hiểu văn hoá của cộng đồng người Điếc và những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ kí hiệu;
- Trình bày được những khó khăn của học sinh khiếm thính và phụ huynh trong học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu;
- Sử dụng được một số kí hiệu cơ bản trong hỗ trợ học sinh khiếm thính và phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu;
- Tổ chức được các hoạt động hỗ trợ học sinh khiếm thính và phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.

2. Phẩm chất

- Sẵn sàng hỗ trợ học sinh khiếm thính, phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu;
- Tôn trọng các kí hiệu đã được sử dụng thống nhất trong cộng đồng.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Nâng cao năng lực ngôn ngữ kí hiệu trong hoạt động giáo dục học sinh khiếm thính

a. Văn hoá của cộng đồng người Điếc

Hoạt động 1: Văn hoá của cộng đồng người Điếc

Yêu cầu cần đạt:

Học viên ghi nhớ và trình bày lại được các nội dung cơ bản liên quan đến văn hoá của cộng đồng người Điếc.

Cách thức tiến hành:

- Học viên xem đoạn phim về văn hoá của cộng đồng người Điếc Việt Nam.
- Giảng viên chia nhóm. Các nhóm liệt kê 3 điều mà mình nhớ nhất trong đoạn phim được xem bằng hình thức ghi chữ to các ý chính theo từng gạch đầu dòng hoặc vẽ ra giấy và dán lên bảng.

– Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả, các nhóm lên trình bày sau không trình bày lại ý đã trùng với nhóm trước. Phần trình bày của mỗi nhóm phải bao gồm cả phần liệt kê những điều đã nhớ và giải thích ý nghĩa, nội dung của những điều đó.

– Sau khi các nhóm trình bày xong, giảng viên ghi lại hoặc sắp xếp lại các sản phẩm mà các nhóm đã dán lên bảng thành từng nhóm nội dung phù hợp.

Hoạt động 2: Hoàn thành sơ đồ tư duy bằng hình ảnh

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên biết được các phương thức giao tiếp của người Diết.
- Học viên trình bày được các quy tắc ứng xử cơ bản trong giao tiếp với người Diết, các phương tiện kỹ thuật, công nghệ mà người Diết thường dùng để phục vụ cho nhu cầu giao tiếp.

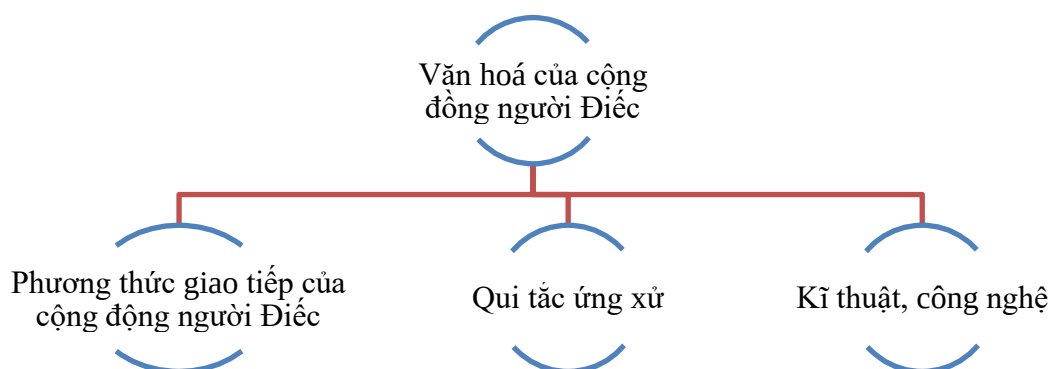
Cách thức tiến hành:

- Học viên nhận một sơ đồ tư duy về văn hoá của cộng đồng người Diết đã được chia theo nhóm, có sẵn chữ viết và một số hình ảnh.
- Học viên thảo luận nhóm, đọc hiểu sơ đồ tư duy kết hợp với các nội dung vừa tìm hiểu ở hoạt động 1 và dán hình ảnh vào nội dung chữ viết tương ứng trên sơ đồ.
- Sau khi hoàn thành sơ đồ, các nhóm dán sơ đồ lên bảng, xem qua bài làm của các nhóm khác và cùng giảng viên kiểm tra kết quả thực hiện.
- 1 hoặc 2 học viên xung phong trình bày lại những nội dung cơ bản của văn hoá cộng đồng người Diết theo nhóm như trên sơ đồ tư duy.



Thông tin cơ bản

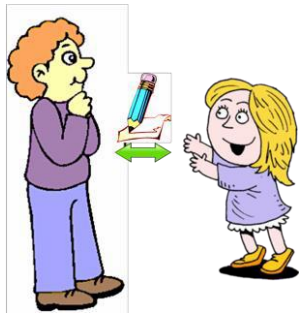
Khi nói đến văn hoá của cộng đồng người Diết, người ta sẽ thường nhắc đến những nội dung cơ bản sau đây:



1. Phương thức giao tiếp của cộng đồng người Điếc

Để tạo nên một nền văn hoá yếu tố quan trọng nhất và không thể thiếu đó là ngôn ngữ. Cộng đồng người Điếc có nền văn hoá riêng và sử dụng ngôn ngữ rất đặc trưng để giao tiếp đó là ngôn ngữ kí hiệu. Ngôn ngữ kí hiệu được tiếp nhận bằng mắt và thể hiện bằng tay, cử chỉ, điệu bộ (nghe bằng mắt – nói bằng tay).

Bên cạnh ngôn ngữ kí hiệu, người Điếc còn có nhiều phương thức giao tiếp khác, phổ biến hiện nay là:



- Giao tiếp thông qua phiên dịch viên ngôn ngữ kí hiệu trong những tương tác giữa người Điếc và người Nghe không biết ngôn ngữ kí hiệu.

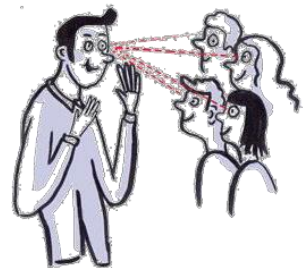
- Giao tiếp bằng chữ viết, cử chỉ điệu bộ khi người Điếc giao tiếp trực tiếp với người Nghe mà không có phiên dịch.

2. Các qui tắc ứng xử cơ bản trong giao tiếp

Trước đây, khi văn hoá của cộng đồng người Điếc chưa thật sự phổ biến, nhiều người nghĩ rằng những hành động người Điếc dùng để thể hiện thông tin trong quá trình giao tiếp không phải là một ngôn ngữ và cho đó là những biểu hiện không bình thường.

Tuy nhiên, cộng đồng người Điếc có văn hoá riêng và có những qui tắc ứng xử rất đặc trưng.

- Điều đầu tiên và quan trọng nhất khi giao tiếp với người Điếc là duy trì ánh mắt. Người Điếc sẽ ngừng tương tác ngay lập tức nếu thấy ánh mắt của người đối diện nhìn đi chỗ khác. Họ cho rằng, đó là biểu hiện của việc người kia không thích hoặc không muốn tiếp tục giao tiếp.



- Để bắt đầu giao tiếp hoặc gây sự chú ý với ai đó, người



Điếc thường chọn một trong những cách sau tùy vào tình huống: đi đến và đứng trước mặt, chạm nhẹ vào vai, hươ tay trước tầm mắt, ném vật nhẹ, chiếu đèn để gây chú ý, nhờ người gọi hộ, gọi chính xác tên kí hiệu của người đó,... Những hành động như gọi to, đập mạnh, ném vật nặng,...được xem là thô lỗ trong cách ứng xử của cộng đồng người Điếc.

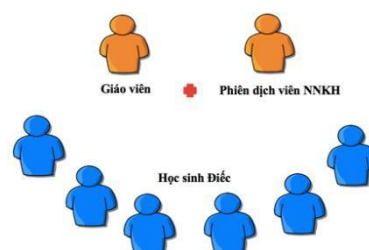
– Giữ khoảng cách một cánh tay khi giao tiếp trực tiếp. Đây là khoảng cách khiến hai người giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu cảm thấy thoải mái và dễ quan sát lẫn nhau.



– Kí hiệu “to” hoặc gọi video khi giao tiếp ở xa. Với khoảng cách xa có thể nhìn thấy đối phương, người Điếc sẽ kí hiệu với khoảng không gian rộng để người kia dễ nhìn thấy và dùng nhiều cử chỉ điệu bộ. Khi 2 người ở 2 địa điểm khác nhau muốn giao tiếp thì người Điếc thường nhắn tin, gửi tin nhắn đa phương tiện hoặc gọi bằng video.



– Sắp xếp vị trí của những người tham gia theo hình chữ U trong lớp học hoặc các buổi giao lưu, sinh hoạt để tất cả mọi người đều quan sát được toàn bộ thông tin.



– Gọi tên kí hiệu và tự xưng là người Điếc.

Người Điếc thường gọi nhau bằng tên kí hiệu là tên do cộng đồng người Điếc đặt bởi những đặc điểm riêng của từng người như: nốt ruồi, vết sẹo, mái tóc,...

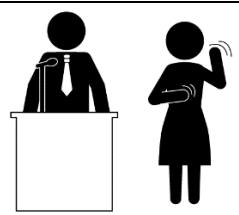
Những người trong cộng đồng thích được gọi là người Điếc vì họ cho rằng từ “Điếc” được xem như là tên riêng của một cộng đồng có ngôn ngữ riêng và có những đặc trưng trong văn hoá. Do vậy, các từ như người Điếc, cộng đồng Điếc và văn hoá Điếc đều được viết hoa chữ Đ trong từ Điếc (Marc Marschark, 2007).



3. Kỹ thuật, công nghệ người Điếc thường dùng

Ngày nay, với nhu cầu hoà nhập xã hội ngày càng cao cộng với sự phát triển của công nghệ, ngày càng có nhiều công ty và các tổ chức quan tâm đến việc tạo ra, phát triển các thiết bị, kỹ thuật hỗ trợ cho người Điếc trong cuộc sống hàng ngày. Cụ thể như:

Tên kĩ thuật	Mục đích	Hình minh họa
Cuộc gọi video trên máy tính hoặc điện thoại	Giao tiếp từ xa bằng ngôn ngữ kí hiệu	

Chuông đèn	Báo hiệu có người	
Báo hiệu bằng đèn chiếu hoặc chế độ rung	Dùng để báo thức, báo có cuộc gọi trên điện thoại	
Dịch vụ phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu	Giao tiếp với người Nghe không biết ngôn ngữ kí hiệu	

b. Giới thiệu về ngôn ngữ kí hiệu

Hoạt động 3: Giới thiệu về ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên biết được nguồn gốc của ngôn ngữ kí hiệu và sửa lỗi được cho những hiểu lầm về ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Học viên nhận phiếu trắc nghiệm và cùng với giảng viên làm rõ yêu cầu của hoạt động, yêu cầu giải đáp các thắc mắc về tiếng Việt (nếu có) trong phiếu.
- Học viên hoàn thành phiếu bằng cách vẽ hình bàn tay vào trước đáp án mình chọn.
- Sau khi hoàn thành, học viên dán phiếu của nhóm mình lên bảng, xem qua bài làm của các nhóm khác và cùng với giảng viên kiểm tra lại toàn bộ các nội dung.
- 1 hoặc 2 học viên xung phong trình bày lại các nội dung chính về ngôn ngữ kí hiệu mà mình hiểu. Giảng viên bổ sung các ý còn thiếu và mở rộng thêm nội dung.

Phiếu trắc nghiệm

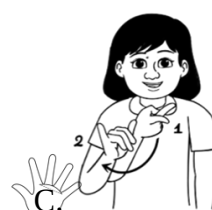
1. Ai là người tạo ra ngôn ngữ kí hiệu?

-  A. Người ĐIỀC B. Người NGHE C. Cả người ĐIỀC và người NGHE

2. Học ngôn ngữ kí hiệu từ ai?

-  A. Người ĐIỀC B. Người NGHE C. Cả người ĐIỀC và người NGHE

3. Hình nào sau đây là kí hiệu ngôn ngữ



4. Ý nào sai khi nói về ngôn ngữ kí hiệu là gì?

A. Ngôn ngữ kí hiệu do người Điếc tạo ra

B. Ngôn ngữ kí hiệu không có hình thức chữ viết

 C. Ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam giống với tiếng Việt

 D. Ngữ pháp ngôn ngữ kí hiệu và lời nói giống nhau

 E. Ngôn ngữ kí hiệu thường được thực hiện phía sau lưng

 F. Tất cả kí hiệu chỉ được thực hiện ở 1 vị trí

G. Ngôn ngữ kí hiệu có nhiều chuyển động

 H. Ngôn ngữ kí hiệu chỉ dùng để biểu diễn trên sân khấu.

Hoạt động 4: Tìm kí hiệu theo thành tố tạo nên kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên ghi nhớ được 5 thành tố tạo thành kí hiệu và tìm được các kí hiệu minh hoạ cho từng thành tố.

Cách thức tiến hành:

– Mỗi nhóm được cho một hình dạng bàn tay và một vị trí hoặc một chuyển động hoặc một nét biểu cảm. Mỗi nhóm phải tìm ít nhất 10 kí hiệu giống hoặc gần giống với thành tố được cung cấp.

– Giảng viên đưa ra một vài ví dụ, làm mẫu để các nhóm hiểu rõ yêu cầu của hoạt động. Chẳng hạn như hình dạng bàn tay “số 1” thể hiện cho các kí hiệu: cậu, dì, đầu tiên, ngày mai, chảnh, tin, nhớ, tôi, khi, gặp, tích cực, tiêu cực,...

– Khi tìm ra được các kí hiệu, các nhóm phải ghi lại từ tiếng Việt của kí hiệu đó.

– Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm còn lại theo dõi và góp ý.

– Nhóm nào tìm được nhiều kí hiệu nhất, nhanh nhất, chính xác nhất sẽ là nhóm chiến thắng.



Thông tin cơ bản

1. Khái niệm ngôn ngữ kí hiệu

Ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ sử dụng hình dạng bàn tay, chuyển động cơ thể, cử chỉ, điệu bộ và sự thể hiện trên khuôn mặt để trao đổi kinh nghiệm, suy nghĩ, nhu cầu và cảm xúc[8].

Ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ của cộng đồng người Điếc.

Ngôn ngữ kí hiệu là có hệ thống kí hiệu và cấu trúc ngữ pháp riêng biệt.

2. Các thành tố của một kí hiệu

<i>Các thành tố của một kí hiệu</i>	1. Vị trí làm kí hiệu
	2. Hình dạng bàn tay
	3. Sự chuyển động của tay
	4. Chiều hướng của tay
	5. Sự diễn tả không bằng tay

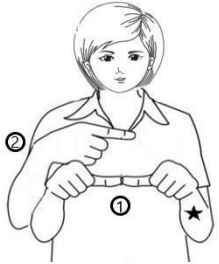
Một kí hiệu bất kì đều được tạo nên từ 5 thành tố cơ bản:

a. Vị trí làm kí hiệu

Kí hiệu được thực hiện ở trên cơ thể hoặc khoảng không phía trước, cao hơn hơn đầu nửa cánh tay, rộng hơn vai nửa cánh tay và từ thắt lưng trở lên.

Có những kí hiệu thực hiện ở 1 vị trí như: bực bội (giữa ngực), ăn chay (môi), nhớ (thái dương), giúp (khủy tay),...

Nhiều kí hiệu có vị trí bắt đầu và vị trí kết thúc: nghiêm túc (môi – cằm), hiền hậu (ngực – bụng trên), kinh nghiệm (thái dương – phía trước bên phải), chuyên gia (khủy tay – cổ tay),...

Hình kí hiệu				
Tên kí hiệu	mẹ	ba/bố	tôi	hiệu (môn toán)
Vị trí	trên má	trên cằm	chạm ngực	khoảng không trước ngực

b. Hình dạng bàn tay

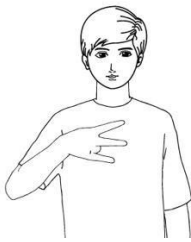
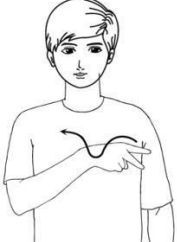
Những yếu tố cần lưu ý về hình dạng bàn tay như sau:

Số ngón tay: 1 ngón, 2 ngón, 3 ngón,...; ngón cái, ngón trỏ, ngón út,...

Độ mở của bàn tay: bàn tay mở, hơi khum, nắm lại

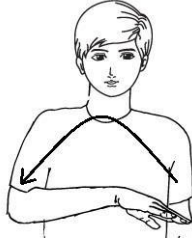
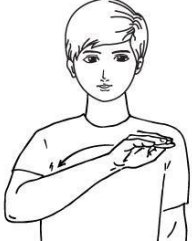
Độ mở của các ngón tay: ngón tay mở ra, ngón tay khép lại,...

Độ co hay thẳng của các ngón tay: ngón tay duỗi thẳng, ngón tay co hai đốt,...

Hình kí hiệu				
Tên kí hiệu	tổng	xấp xỉ	thư viện	khô
Hình dạng bàn tay	3 ngón trỏ, giữa và út	2 ngón trỏ và giữa	lòng bàn tay mở	lòng bàn tay hơi khum

c. Sự chuyển động của tay

Yếu tố này liên quan đến một hay nhiều chuyển động của cánh tay, cổ tay, những ngón tay hay hai bàn tay, cùng những yếu tố khác như sự lặp lại động tác, mức độ căng thẳng cơ bắp, sự rung chuyển các ngón tay, mở ra hoặc đóng lại các bàn tay, xoay tròn cổ tay...

Hình kí hiệu				
Tên kí hiệu	Núi	quả đồi	mát mẻ	khô
Sự chuyển động của tay	tay chuyển động vòng cung cao	tay chuyển động vòng cung thấp	lắc và xoay cổ tay hướng lên trên	lắc cổ tay hướng vào người

d. Chiều hướng của tay

Chiều hướng của lòng bàn tay, chiều hướng của các ngón tay: hướng lên,

hướng xuống, hướng sang trái, hướng sang phải, hướng vào người, hướng ra trước,...

Hình kí hiệu				
Tên kí hiệu	N	U	hô hấp	hương thơm
Chiều hướng của tay	đầu ngón tay hướng xuống	đầu ngón tay hướng lên	lòng bàn tay hơi ngửa	lòng bàn tay hướng vào người

e. Diễn tả không bằng tay

Biểu cảm nét mặt: nhướn mày, chau mày, mở to mắt, nhắm mắt, héch mũi, phồng má, hóp má, chu môi, bĩu môi, trề môi, mở to miệng,...

Biểu hiện của cơ thể: gật đầu, lắc đầu, nhún vai, nghiêng người sang trái, nghiêng người sang phải, ngả người ra trước, ngả người về sau,...

Hình kí hiệu		
Tên kí hiệu	hạt	hiếm
Sự diễn tả không bằng tay	mặt bình thường	chau chân mày, nhắm mắt

Mỗi thành tố đều có những đặc trưng và ý nghĩa riêng biệt, chỉ cần thực hiện không chính xác một thành tố thì có thể kí hiệu được thể hiện sẽ đưa ra một thông tin, ý nghĩa khác hoàn toàn.

Hoạt động 5: Sắp xếp các thẻ từ theo cú pháp ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên minh hoạ được cú pháp cơ bản cho các dạng câu bằng ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên minh hoạ hoặc chiếu đoạn phim các câu kí hiệu.

– Học viên theo dõi sau đó dùng những thẻ từ được phát sắp xếp lại thành câu hoàn chỉnh theo cú pháp NNKH và tự lập lại câu kí hiệu đó kèm theo 2 - 3 câu mới có cú pháp tương tự.

– Đại diện từng nhóm lên trình bày câu kí hiệu sau khi đã sắp xếp và mỗi thành viên trong nhóm sẽ thực hiện câu kí hiệu có cú pháp tương đương.

– Sau khi đi qua lần lượt hết tất cả các nhóm, học viên cùng với giảng viên tổng kết lại cú pháp ngôn ngữ kí hiệu trong từng loại câu.



Thông tin cơ bản

Vấn đề cơ bản về ngữ pháp NNKH

- Ngôn ngữ kí hiệu có trật tự cú pháp cơ bản là Chủ ngữ – Vị ngữ (cụm danh từ + cụm động từ).
- Trong câu phủ định, kí hiệu mang nghĩa phủ định được đặt ở cuối cùng.
- Trong câu hỏi, kí hiệu dùng để hỏi sẽ được đặt ở cuối cùng.

Bảng so sánh cú pháp của tiếng Việt và NNKH

	Tiếng Việt	Ngôn ngữ kí hiệu
Cú pháp cơ bản	CN – VN (cụm ĐgT - cụm DT)	CN – VN (cụm DT - cụm ĐgT)
Câu khẳng định (Câu kể) Ví dụ	CN – VN (cụm ĐgT - cụm DT) Mẹ – mua - 3 cái áo.	CN – VN (cụm DT - cụm ĐgT) Mẹ – áo + 3 - mua.
Câu phủ định Ví dụ	CN – từ PD – VN (cụm ĐgT - cụm DT). Mẹ – không – mua - áo sơ mi.	CN – VN (cụm DT - cụm ĐgT) – từ PD . Mẹ – áo sơ mi - mua – không.
Câu nghi vấn (Câu hỏi) Ví dụ	Từ NV – cụm ĐgT – cụm DT? Ai – mua – 3 cái áo? CN – cụm ĐgT – từ NV ? Mẹ – mua – gì? CN – cụm ĐgT – cụm DT – từ NV ? Mẹ – mua – 3 cái áo – đúng không?	Cụm DT – cụm ĐgT – từ NV ? Áo + 3 – mua – ai? CN – cụm ĐgT – từ NV ? Mẹ – mua – gì? CN – cụm DT – cụm ĐgT – từ NV ? Mẹ – áo + 3 – mua – đúng không?

CN: chủ ngữ, VN: vị ngữ, ĐgT: động từ, DT: danh từ, PD: yếu tố mang nghĩa phủ định, NV: yếu tố mang nghĩa nghi vấn hoặc từ/kí hiệu dùng để hỏi.

Tóm lại, cấu trúc ngữ pháp cơ bản của ngôn ngữ kí hiệu khác nhiều so với tiếng Việt, đa phần các yếu tố hành động hoặc nghĩa chính, nghĩa quan trọng trong câu ngôn ngữ kí hiệu thường được đặt ở cuối như động từ, yếu tố phủ định hay yếu tố nghi vấn.

Vì sự khác biệt lớn về cấu trúc ngữ pháp giữa tiếng Việt và Ngôn ngữ kí hiệu nên người Điếc thường gặp khó khăn trong việc học tiếng Việt nếu không thật sự hiểu về ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ. Điều này thể hiện rõ ở việc khả năng đọc và viết tiếng Việt của người điếc, cụ thể là học sinh điếc thường chậm hơn, hạn chế hơn so với khả năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu.

c. Các kí hiệu cơ bản trong hoạt động giáo dục

Hoạt động 6: Kí hiệu sử dụng trong giao tiếp

Yêu cầu cần đạt:

Học viên tự ôn lại các kí hiệu mà mình đã biết, cập nhật thêm các kí hiệu từ các học viên khác và giảng viên.

Cách thức tiến hành:

- Học viên chia theo nhóm 2 - 3 người thực hiện kí hiệu biểu đạt các từ trong danh mục được cung cấp. Mỗi nhóm có một danh mục từ khác nhau theo từng chủ đề.
- Đại diện từng nhóm lên thể hiện kí hiệu mà mình biết trong danh mục từ được cung cấp. Học viên ghi chú lại các từ chưa biết hoặc không có kí hiệu.
- Các nhóm khác theo dõi và bổ sung kí hiệu cho nhóm khác nếu biết.
- Dựa trên kết quả tìm được, 3 nhóm biết nhiều kí hiệu nhất giành chiến thắng trong hoạt động.

Hoạt động 7: Hội thoại bằng ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên nhớ, hiểu và làm được kí hiệu cho các chủ đề khác nhau trong giao tiếp.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên sẽ gửi link hoặc video các kí hiệu theo chủ đề cho từng nhóm (<https://tudienngonngukyhiieu.com/hoc-ngon-ngu-ky-hieu-theo-chu-de>).
- Các nhóm sẽ tự thực hành kí hiệu trong chủ đề của mình và tạo thành một đoạn hội thoại có sử dụng đa số hoặc tất cả các kí hiệu trong chủ đề đó.

- Các học viên có thể tạo thành một đoạn nói chuyện ngắn, một vở kịch hoặc một câu chuyện có sự tham gia của tất cả các thành viên trong nhóm.
- Sau khi thực hành xong, các nhóm lên trình bày trước lớp.
- Các nhóm khác theo dõi và góp ý.



Thông tin cơ bản

Kí hiệu sử dụng trong giao tiếp là những kí hiệu có qui ước được sử dụng trong các hoạt động giao tiếp, chia sẻ, có thể sử dụng để cho ví dụ, giải thích khi trình bày một vấn đề (tham quan, dã ngoại, chào cờ, hội họp, giao tiếp thông thường,...). Cách diễn giải có thể khác nhau ở mỗi vùng miền do đặc trưng văn hoá.

Gợi ý danh mục các kí hiệu sử dụng trong giao tiếp cơ bản:

văn hoá	cộng đồng	người Điếc	người Nghe
người Khiếm thính	ngôn ngữ kí hiệu	giao tiếp mắt	gọi video
phiên dịch	tên kí hiệu	tên đánh vần	bấm chuông
chuông đèn	phía trước	phía sau	bên trong
bên ngoài	ăn	uống	ngồi
đứng	đi chơi	làm việc	thích
không thích	muốn	biết	không biết
được	không được	Đúng	sai
không bao giờ	hiếm khi	thỉnh thoảng	thường xuyên
luôn luôn	chưa bao giờ	gặp	thăm
giao tiếp	ai	làm gì	ở đâu
khi nào	cái nào	như thế nào	tại sao

Bên cạnh các kí hiệu trong danh mục trên, người hỗ trợ cần tìm hiểu thêm các kí hiệu thường xuyên sử dụng trong giao tiếp các chủ đề như: thời gian, màu sắc, trang phục, gia đình, nghề nghiệp, phương tiện giao thông, trái cây,...

Hoạt động 8: Kí hiệu sử dụng trong học tập

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên được bổ sung vốn kí hiệu sử dụng trong học tập.
- Tất cả các thành viên đều phải thực hiện được kí hiệu mà nhóm tìm hiểu.

Cách thức tiến hành:

- Học viên sẽ nhận được các danh mục từ vựng cơ bản thuộc môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên - xã hội.
- Các nhóm tự tìm hiểu cách thực hiện các kí hiệu (qua các công cụ có sẵn và được giới thiệu, có thể là website, video hoặc người điếc thạo ngôn ngữ kí hiệu).
- Giảng viên ghi chú số lượng kí hiệu mà các nhóm thực hiện được để khen thưởng.

Hoạt động 9: Hướng dẫn cách thực hiện kí hiệu cho người khác

Yêu cầu cần đạt: Tất cả học viên đều phải thực hiện được toàn bộ kí hiệu được trình bày trước lớp.

Cách thức tiến hành:

- Sau khi kết thúc thời gian tự tìm hiểu, đại diện mỗi nhóm sẽ lên trước lớp và hướng dẫn lại cách thực hiện kí hiệu mà nhóm mình tìm hiểu được cho các nhóm khác.
- Các nhóm có thể sắp xếp có một người hướng dẫn chính và các thành viên còn lại là những người hỗ trợ.
- Tùy khả năng mà các nhóm, các nhóm có thể chỉ hướng dẫn các kí hiệu đơn lẻ hoặc kí hiệu có đưa ra giải thích nghĩa của kí hiệu, có hoặc không có hướng dẫn thực hiện các câu kí hiệu.
- Giảng viên theo dõi các nhóm thực hiện, hỗ trợ và bổ sung nếu có thiếu sót.



Thông tin cơ bản

Kí hiệu sử dụng trong học tập cũng là những kí hiệu qui ước, mang tính học thuật, gắn liền với môn học, mang tính khái quát và mô phạm, thường được sử dụng để chỉ hoặc giải thích cho một khái niệm học thuật. Nhóm các kí hiệu này thường có các lưu ý về ngữ pháp nhiều hơn trong quá trình sử dụng.

Gợi ý danh mục các kí hiệu sử dụng trong học tập:

Kí hiệu môn Tiếng Việt		Kí hiệu môn Toán	
từ	từ đơn	tổng	hiệu
từ ghép	từ láy	tích	thương
câu	câu đơn	cộng	trừ
câu ghép	đoạn văn	nhân	chia

bài văn	bài thơ	chiều dài	chiều cao
chính tả	tập làm văn	chiều rộng	chiều sâu
tập đọc	luyện từ và câu	công thức	phép tính
danh từ	động từ	phần trăm	qui đồng
tính từ	cú pháp	phân số	bài tập
ngữ pháp	ngữ nghĩa	đường thẳng	đoạn thẳng
âm vị	hình vị	diện tích	chu vi
ngôn ngữ kí hiệu	tiếng Việt	góc vuông	hình vuông
học thuộc lòng	đọc thầm	hình chữ nhật	hình tam giác
đọc thành tiếng	ngữ cảnh	số học	hình học

Trên đây chỉ là các kí hiệu gợi ý, trong quá trình làm việc, người hỗ trợ cần tìm hiểu thêm nhiều kí hiệu khác để đạt hiệu quả cao hơn.

2. Hỗ trợ học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Hoạt động 10: Khó khăn của học sinh khiếm thính trong học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên hiểu được những khó khăn mà học sinh khiếm thính gặp phải trong quá trình học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Học viên xem một đoạn phim phỏng vấn những khó khăn của học sinh khi học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu và mỗi học viên ghi lại một khó khăn mà mình nhớ được sau khi xem vào tờ giấy nhỏ và dán lên bảng.
- Giảng viên gọi 3 - 5 học viên bất kì chia sẻ về nội dung mà mình ghi trong giấy.
- Học viên dựa vào kinh nghiệm của bản thân để nêu lên lí do cho những khó khăn của học sinh khiếm thính khi học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.
- Giảng viên tổng kết những khó khăn mà học sinh khiếm thính thường gặp phải khi học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.



Thông tin cơ bản

1. Khó khăn về tài liệu học tập

Sách giáo khoa hiện hành chưa thực sự phù hợp với học sinh khiếm thính vì

không có hình ảnh kí hiệu minh họa cho nội dung. Tất cả các sách đang được sử dụng trong trường học đều theo chữ tiếng Việt ghi âm và chỉ có thể dùng để hỗ trợ học sinh khiếm học tiếng Việt chứ không dùng để học ngôn ngữ kí hiệu.

Thiếu các giáo cụ, đồ chơi trực quan có liên quan đến ngôn ngữ kí hiệu dành riêng cho học sinh khiếm thính. Các em học sinh khiếm thính có thể chơi rất giỏi nhưng vì những đồ dùng trực quan này không được hỗ trợ với ngôn ngữ kí hiệu nên học sinh khiếm thính chỉ có thể chơi mà ít khi phát triển được khả năng ngôn ngữ của mình nếu không có người lớn biết ngôn ngữ kí hiệu hướng dẫn.

Ở Việt Nam hiện nay chưa có nhiều sách ngôn ngữ kí hiệu nào dành riêng cho học sinh khiếm thính. Các tài liệu về ngôn ngữ kí hiệu phổ biến đa phần phục vụ việc học và tìm hiểu về ngôn ngữ kí hiệu cho giáo viên, phụ huynh, người nghe có nhu cầu học ngôn ngữ kí hiệu.

Bên cạnh tài liệu giấy, những tài liệu về ngôn ngữ kí hiệu bằng video cũng rất khan hiếm. Nếu có, thì những tài liệu này cũng rất ít được phổ biến.

Tóm lại, học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu chủ yếu thông qua giáo viên hoặc phụ huynh và những người biết ngôn ngữ kí hiệu chứ không có một công cụ, tài liệu nào dành riêng cho việc học ngôn ngữ kí hiệu của các em.

2. Khó khăn về môi trường giao tiếp

Học sinh khiếm thính thường phải giao tiếp trong những môi trường và với những đối tượng như sơ đồ bên dưới.



✗ : không giao tiếp được bằng ngôn ngữ kí hiệu

✓ : giao tiếp được bằng ngôn ngữ kí hiệu

Trong các môi trường giao tiếp thì chỉ có tại trường học là học sinh khiếm thính được sử dụng ngôn ngữ kí hiệu nhiều nhất, chủ yếu với giáo viên trong giờ học và với các bạn cùng lớp, học sinh trong trường. Còn lại ở các môi trường khác, học sinh ít khi hoặc không sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong giao tiếp mà là lời nói hoặc cử chỉ điệu bộ.

Học sinh khiếm thính không giao tiếp được với cộng đồng người Điếc vì nhiều lí do khác nhau, chủ yếu là do chưa có thông tin hoặc chưa được tham gia vào các tổ chức người Điếc tại địa phương của mình.

Hoạt động 11: Hỗ trợ học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên hiểu được yêu cầu đối với người hỗ trợ và cách thức hỗ trợ học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Học viên đọc phần Thông tin cơ bản bên dưới, thảo luận nhóm về các yêu cầu, cách thức và hoạt động hỗ trợ cho học sinh khiếm thính.
- Mỗi nhóm nêu lên 1 yêu cầu và 1 cách thức mà nhóm mình đọc và hiểu được.
- Các nhóm trình bày sau không trùng với nhóm trước.
- Giảng viên theo dõi giải thích bổ sung nếu cần.

Hoạt động 12: Thực hành hoạt động hỗ trợ cho học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên tổ chức được hoạt động hỗ trợ học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Các thành viên trong nhóm phân vai làm người hướng dẫn và học sinh khiếm thính, luân phiên thực hành tổ chức các hoạt động.
- Giảng viên theo dõi các nhóm thực hành, hỗ trợ và góp ý cho các hoạt động mà học viên tự nghĩ ra để hoạt động phù hợp hơn.
- Giảng viên mời một vài nhóm có hoạt động hay lên thực hành trước lớp.
- Các nhóm khác theo dõi và góp ý nếu có.



1. Yêu cầu đối với người hỗ trợ

Người hỗ trợ học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu cần phải trang bị cho mình những phẩm chất và năng lực cần thiết trước khi bắt đầu công việc, cụ thể:

- Đồng cảm và có mong muốn hỗ trợ học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu;
- Năng động, sáng tạo và linh hoạt trong quá trình hỗ trợ;
- Hợp tác với gia đình và nhà trường trong quá trình hỗ trợ;
- Hiểu về những khó khăn của học sinh khiếm thính trong học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu;
- Khả năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong cuộc sống hàng ngày đạt từ trình độ khá trở lên;
- Biết các thông tin cơ bản về chương trình giáo dục tiểu học và các hoạt động thường xuyên của học sinh khiếm thính cấp tiểu học;
- Tổ chức được các hoạt động đơn giản trong quá trình hỗ trợ học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.

2. Cách thức hỗ trợ

Để hỗ trợ cho học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu, người hỗ trợ có thể dùng các cách thức sau đây:

- Giao tiếp với học sinh bằng kí hiệu tự phát (do các em tự qui ước) để hiểu về khả năng ngôn ngữ và kiến thức của học sinh trước khi dạy và thực hành kí hiệu mới;
- Làm kí hiệu ở gần đối tượng hoặc chỉ vào đồ vật, đối tượng được làm kí hiệu sẽ giúp trẻ tạo mối liên hệ giữa sự vật và kí hiệu;
- Thực hiện kí hiệu mới một vài lần và đảm bảo học sinh được nhìn thấy tay và khuôn mặt khi bạn làm kí hiệu;
- Minh hoạ, giải thích ý nghĩa của kí hiệu bằng nhiều cách khác nhau để học sinh hiểu và ghi nhớ kí hiệu;

- Khen ngợi nếu học sinh hiểu và cố gắng làm theo, nếu học sinh không phản ứng lại, lặp lại kí hiệu thêm một lần và khuyến khích các em làm lại;
- Dạy học sinh phân biệt các kí hiệu biểu đạt cho các loại từ khác nhau: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ,...
- Dạy kí hiệu theo từng chủ đề, từ quen thuộc đến chưa quen thuộc, từ dễ đến khó để học sinh dễ tiếp thu;
- Sử dụng các kí hiệu đã được học trong các tình huống hằng ngày, khuyến khích gia đình cùng sử dụng;
- Sử dụng các tình huống, trò chơi hoặc cố ý tạo ra lỗi sai và khuyến khích học sinh phát hiện và sửa lỗi trong lúc thực hành kí hiệu;
- Tạo điều kiện cho học sinh có thể gặp gỡ nhiều người lớn khác nhau để thực hành ngôn ngữ kí hiệu như tham gia vào các buổi sinh hoạt câu lạc bộ.

3. Gợi ý một số hoạt động hỗ trợ học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Bên cạnh các phương pháp hỗ trợ thông thường như làm mẫu, thực hành,..., người hỗ trợ có thể linh hoạt tổ chức nhiều hoạt động khác nhau để tạo sự hứng thú và tăng hiệu quả của việc học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính.

Các hoạt động được giới thiệu dưới đây đa phần dễ thực hiện, có thể làm ở mọi lúc mọi nơi, không cần phải chuẩn bị nhiều vật dụng. Tất cả các hoạt động đều nhằm vào mục tiêu phát triển vốn kí hiệu, cấu trúc câu ngôn ngữ kí hiệu, phát triển tư duy ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính.

a. Hoạt động tổ chức trò chơi **Tìm kí hiệu**

Những người tham gia sẽ tìm các kí hiệu giống nhau với một đặc điểm cho trước. Ví dụ: các kí hiệu có hình dạng bàn tay là chữ i, các kí hiệu có chuyển động từ trên xuống dưới, các kí hiệu thực hiện ở ngực, các kí hiệu có kèm biểu hiện mở to mắt,... Hoạt động này có thể thực hiện với học sinh ở nhiều trình độ ngôn ngữ kí hiệu khác nhau, tùy khả năng của học sinh mà đặc điểm cho trước là đơn giản hay phức tạp.

b. Hoạt động tổ chức trò chơi **Đỏ, xanh dương, vàng**

Người bắt đầu sẽ thực hiện ngẫu nhiên không báo trước 1 trong 3 màu nêu

trên (kèm theo chỉ vào người khác nếu hoạt động có đông người) để cho người tham gia khác làm kí hiệu thuộc nhóm sự vật, sự việc có màu sắc đó. Ví dụ: màu đỏ – Mặt trời, màu xanh dương – biển, màu vàng – hoa mai,...Hoạt động cứ thực hiện lần lượt đến khi nào tất cả những người tham gia đều không còn nghĩ ra kí hiệu nữa. Các chủ đề có thể thay đổi tùy vào khả năng của học sinh: rau-hoa-quả, Tết-Giáng sinh-Trung thu, ai làm gì-ai thế nào-ai ở đâu,...

*c. Hoạt động tổ chức trò chơi **Nói đuổi***

Những người tham gia chơi đều phải thực hiện câu kí hiệu theo mẫu “Ngày mai, tôi sẽ đi, tôi sẽ mang theo....”, học sinh sẽ lặp lại câu nói với cấu trúc đó nhưng thay đổi từ vựng vào chỗ để trống để tạo ra một câu có nghĩa phù hợp với chủ đề ban đầu. Chẳng hạn, chủ đề được chọn là đi công viên, lần lượt từng người chơi có thể thực hiện kí hiệu các câu như: “Ngày mai, tôi sẽ đi công viên, tôi sẽ mang theo chai nước.”, “Ngày mai, tôi sẽ đi công viên, tôi sẽ mang theo cây dù.”,... Người dạy có thể đổi chủ đề khác khi vốn từ trong chủ đề đã chơi đạt mức tốt trở lên và đổi cấu trúc khác khi thấy học sinh đã thành thạo. Lưu ý chỉ thực hiện hoạt động này với học sinh có vốn kí hiệu khá trở lên.

*d. Hoạt động tổ chức trò chơi **Liên tưởng***

Sẽ có một chủ đề được đưa ra, ví dụ như “trường học”. Những người tham gia sẽ phải nói lên một điều mà mình nghĩ ra liên quan đến trường học sau nhiều nhất 5 giây suy nghĩ (thời gian có thể thay đổi). Ví dụ: “Em trai tôi học cùng trường với tôi.”, “Trường học có nhiều giáo viên và học sinh biết ngôn ngữ kí hiệu.”,... Khi nào những người tham gia không còn nghĩ ra được điều gì nữa thì chuyển sang chủ đề khác. Lưu ý chỉ thực hiện hoạt động với học sinh có khả năng ngôn ngữ kí hiệu tốt.

Có rất nhiều những hoạt động hỗ trợ cho học sinh khiếm thính học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu. Người hỗ trợ có thể tham khảo trên nhiều phương tiện khác nhau hoặc tự sáng tạo ra hoạt động để phù hợp với học sinh khiếm thính hơn.

3. Hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Hoạt động 13: Những khó khăn của phụ huynh trong học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên hiểu được các khó khăn của phụ huynh, yêu cầu và cách thức hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Học viên đọc tài liệu, tự mình hoàn thành 1 phiếu trắc nghiệm có/không về khó khăn, yêu cầu và cách thức hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.
- Học viên đổi phiếu trắc nghiệm của mình cho người khác, đọc và đặt câu hỏi cho người đó nếu người đó chọn khác mình.
- Giảng viên tổng hợp các khó khăn mà phụ huynh thường gặp phải trong học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu; yêu cầu và cách thức hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.



Thông tin cơ bản

Vì nhiều lí do khác nhau, phụ huynh của học sinh khiếm thính trước khi đến được với ngôn ngữ kí hiệu đã phải vượt qua rất nhiều rào cản, khó khăn khác nhau.

1. Khó khăn về năng lực

Không có thời gian để theo học ngôn ngữ kí hiệu vì bận rộn với công việc mưu sinh, đôi khi thời gian ở các lớp học ngôn ngữ kí hiệu lại không trùng với thời gian rảnh của phụ huynh;

Có các lớp học online và linh hoạt thời gian nhưng phụ huynh lại không giỏi kĩ thuật công nghệ để có thể tự học;

Chưa có thói quen về tư duy hình ảnh để ghi nhớ kí hiệu cũng như cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu, không có thói quen sử dụng ngôn ngữ kí hiệu khi giao tiếp với con dẫn đến khả năng ngôn ngữ kí hiệu ít được cải thiện;

Không biết cách bắt đầu giao tiếp với con nên ngại học và thực hành thêm kí hiệu trong các chủ đề mới.

2. Khó khăn về điều kiện học tập

- Điều kiện tinh thần:

Không đủ niềm tin vào ngôn ngữ kí hiệu, sợ rằng phương thức giao tiếp này không phù hợp với con;

Thiếu tự tin khi giao tiếp bằng kí hiệu với người lạ dẫn đến môi trường thực hành hạn chế, chỉ chủ yếu thực hành với người thân, gia đình;

- Điều kiện vật chất:

Chưa được tiếp cận với nhiều tài liệu, nguồn thông tin liên quan đến ngôn ngữ kí hiệu và người điếc;

Không có nhiều lớp học ngôn ngữ kí hiệu trực tiếp và cả trực tuyến để phụ huynh có thể linh hoạt đăng kí tham gia.

Hoạt động 14: Hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên tổ chức được hoạt động hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Các thành viên trong nhóm phân vai làm người hướng dẫn và học sinh khiếm thính, luân phiên thực hành tổ chức các hoạt động.
- Giảng viên theo dõi các nhóm thực hành, hỗ trợ và góp ý cho các hoạt động mà học viên tự nghĩ ra để hoạt động phù hợp hơn.
- Giảng viên mời một vài nhóm có hoạt động hay lên thực hành trước lớp.
- Các nhóm khác theo dõi và góp ý nếu có.



Thông tin cơ bản

1. Yêu cầu đối với người hỗ trợ

Người hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu cần phải trang bị cho mình những phẩm chất và năng lực cần thiết trước khi bắt đầu công việc, cụ thể:

- Hiểu được đặc điểm tâm lí và khó khăn của phụ huynh;
- Có tinh thần hợp tác và tôn trọng phụ huynh;
- Có vốn kí hiệu ở mức khá trở lên;
- Có khả năng giao tiếp cơ bản thông qua cử chỉ điệu bộ, chữ viết.

2. Cách thức hỗ trợ

Để hỗ trợ cho phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu, người hỗ trợ có thể dùng các cách thức sau đây:

- Bao gồm học sinh khiếm thính vào trong các hoạt động hỗ trợ phụ huynh;
- Hướng dẫn phụ huynh cách học kí hiệu từ con;
- Hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu theo chủ đề;

- Kí hiệu theo cả cú pháp tiếng Việt lẫn ngôn ngữ kí hiệu trong quá trình hỗ trợ;
- Nhấn mạnh việc tạo môi trường giao tiếp mọi lúc mọi nơi trong quá trình hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu;
- Hướng dẫn cách phụ huynh có thể cho con biết chuyện gì đang diễn ra trong mọi bối cảnh (kí hiệu khoá);
- Giới thiệu một số cách tạo môi trường song ngữ, làm đồ chơi song ngữ từ những vật dụng trong nhà;
- Giới thiệu cách chuẩn bị các dụng cụ để học cùng với con, càng có nhiều đồ dùng thì càng có nhiều chủ đề để tương tác với con: sách, trang web, thiết bị công nghệ,...

3. Gợi ý một số hoạt động hỗ trợ phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu

Bên cạnh các phương pháp hỗ trợ thông thường như làm mẫu, thực hành,..., người hỗ trợ có thể linh hoạt tổ chức nhiều hoạt động khác nhau để tạo sự hứng thú và tăng hiệu quả của việc học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu của phụ huynh.

Dưới đây là một số hoạt động gợi ý:

a. Hoạt động Tin là sẽ tới

Để phụ huynh tin tưởng vào ngôn ngữ kí hiệu hơn, người hỗ trợ có thể giới thiệu các video về hình ảnh trẻ điếc giao tiếp thành thạo bằng ngôn ngữ kí hiệu hoặc về những tấm gương người lớn điếc thành công,...cho phụ huynh xem vào đầu hoặc cuối giờ. Nên lấy video từ các nguồn có uy tín và thông tin chính xác.

Link các video có thể sử dụng được:

[https://www.facebook.com/watch/?v=1045063292352354;](https://www.facebook.com/watch/?v=1045063292352354)

[https://www.youtube.com/watch?v=M18jcMJgN1o;](https://www.youtube.com/watch?v=M18jcMJgN1o)

[https://www.worldbank.org/vi/news/video/2016/06/16/vietnamese-deaf-children-pursue-their-dreams-through-learning-sign-language.](https://www.worldbank.org/vi/news/video/2016/06/16/vietnamese-deaf-children-pursue-their-dreams-through-learning-sign-language)

b. Hoạt động Một hình một kí hiệu

Người hỗ trợ tổ chức hoạt động giới thiệu kí hiệu mới cho phụ huynh, sử dụng các thẻ hình theo từng chủ đề song song với việc minh hoạ kí hiệu. Thẻ hình có thể được thay bằng thẻ từ hoặc đồ vật thật có sẵn. Mỗi lần giới thiệu 5 - 10 thẻ, số lượng có thể cao hơn tùy vào khả năng của mỗi phụ huynh. Hoạt động này có thể

thực hiện thường xuyên, thực hiện với phụ huynh và cả học sinh cùng một lúc.

Phụ huynh có thể đổi vai thành người hướng dẫn kí hiệu để học và thực hành kí hiệu cùng với con.

*c. Hoạt động **Đoán – đáp***

Hoạt động này giúp cho phụ huynh có thể linh hoạt giải thích ý nghĩa của từ, của kí hiệu để con mình có thể hiểu được nghĩa rõ ràng và chính xác hơn. Người hỗ trợ thực hiện 1 kí hiệu và dùng cử chỉ điệu bộ để giải thích ý nghĩa của kí hiệu cho phụ huynh, phụ huynh đoán và ghi lại kí hiệu đó bằng 1 từ. Nếu đoán sai, người hỗ trợ giải thích lại theo cách khác. Giải thích bằng nhiều cách phụ huynh vẫn chưa đoán ra được thì người hỗ trợ cung cấp đáp án đúng. Mỗi lần thực hiện khoảng 5 kí hiệu ở mức độ dễ đến khó để phụ huynh làm quen dần.

Khi đã quen với việc dùng cử chỉ điệu bộ, phụ huynh có thể là người giải thích để người hỗ trợ và cả học sinh khiếm thính đoán và trả lời bằng kí hiệu.

Việc giải thích nghĩa của từ có thể khó dần từ dùng cử chỉ điệu bộ đến dùng kí hiệu giải thích cho kí hiệu.

*d. Hoạt động **Xuôi ngược, ngược xuôi***

Hoạt động này giúp cho phụ huynh thể hiện được nội dung giao tiếp theo 2 cách thông qua ngôn ngữ kí hiệu. Người hỗ trợ đưa ra một bức tranh hoặc một câu và yêu cầu phụ huynh thực hiện kí hiệu, có thể theo 2 cách kí hiệu theo cú pháp tiếng Việt hoặc ngôn ngữ kí hiệu. Nếu phụ huynh kí hiệu theo cú pháp tiếng Việt, người hỗ trợ cung cấp câu kí hiệu tương đương. Nội dung của tranh và câu tăng dần để phụ huynh thực hành. Trong quá trình tổ chức hoạt động, phụ huynh và học sinh khiếm thính có thể thảo luận với nhau để đưa ra câu kí hiệu phù hợp nhất.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Câu hỏi

- Những khó khăn học sinh khiếm thính và phụ huynh thường gặp khi học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu là gì?
- Khi thực hiện hỗ trợ học sinh khiếm thính và phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu cần có những yêu cầu gì?

2. Bài tập thực hành

- Quay video các kí hiệu đã được thực hành trong các hoạt động và gửi lại cho

giảng viên qua email hoặc các ứng dụng mạng xã hội.

– Thực hành một hoạt động hỗ trợ học sinh khiếm thính hoặc phụ huynh học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu, nêu rõ mục tiêu, chuẩn bị, nội dung, cách thức tổ chức hoạt động.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật*, Thông tư 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29/06/2020.
2. Cao Thị Xuân Mỹ (chủ biên), Trần Thị Ngọc Lan (2017), *Kí hiệu ngôn ngữ và Ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Dự án giáo dục đại học cho người điếc Việt Nam thông qua sự phân tích, giảng dạy và phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu (2007), *Ngôn ngữ kí hiệu Thành phố Hồ Chí Minh, Sách học viên trình độ 1*, NXB Phụ nữ.
4. Dự án giáo dục đại học cho người điếc Việt Nam thông qua sự phân tích, giảng dạy và phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu (2007), *Ngôn ngữ kí hiệu Thành phố Hồ Chí Minh, Sách học viên trình độ 2*, NXB Phụ nữ.
5. Dự án giáo dục đại học cho người điếc Việt Nam thông qua sự phân tích, giảng dạy và phiên dịch Ngôn ngữ kí hiệu (2010), *Ngôn ngữ kí hiệu Thành phố Hồ Chí Minh, Sách học viên trình độ 3*, NXB Văn hoá thông tin.
6. Marc Marschark, Peter C. Hauser (2012), *How Deaf Children Learn: What Parents and Teachers Need to Know*, Oxford University Press.
7. Marc Marschark (2007), *Raising and Educating a Deaf Child – A C Comprehension Guide to the choices, controversies, and decisions faced by parents and educators*, Oxford University Press.
8. Sandy Niemann, Devorah Greenstein, Darlena David (người dịch: Nguyễn Thị Thục An, Đinh Bích Hạnh, Nguyễn Thị Cẩm Hương) (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động - Xã hội.
9. Trần Thị Thiệp (chủ biên), Bùi Thị Anh Phương, Nguyễn Thị Cẩm Hương, Vương Hồng Tâm (2016), *Giáo trình Ngôn ngữ kí hiệu thực hành*, NXB Đại học Sư phạm.
10. Giáo dục sáng tạo (2017), *Từ điển ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*, <https://www.tudienngonngukyhieu.com>.

Chủ đề 3. Hỗ trợ giáo viên và nhân viên nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính

Số tiết: 20 (10 lí thuyết, 10 thực hành)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Mô tả được một vài hoạt động của giáo viên và nhân viên trong trường học;
- Liệt kê được các môi trường giao tiếp giữa học sinh khiếm thính với giáo viên và nhân viên;
- Tổ chức được các hoạt động hỗ trợ giáo viên và nhân viên dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

2. Phẩm chất

- Sẵn sàng hỗ trợ giáo viên và nhân viên trong quá trình dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính;
- Tôn trọng giáo viên và nhân viên trong quá trình hỗ trợ học sinh khiếm thính.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Hỗ trợ giáo viên và nhân viên dạy học cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Hoạt động 1: Hoạt động của giáo viên và nhân viên trong trường học

Yêu cầu cần đạt:

Gọi tên được các hoạt động của giáo viên và nhân viên trong trường học.

Cách thức tiến hành:

- Tất cả học viên sẽ cùng xem các hình ảnh minh họa về công việc của giáo viên và nhân viên trong trường học được chiếu lên màn hình.
- Nhóm các học viên gọi tên các hoạt động bằng cách viết từ ra giấy hoặc thể hiện bằng ngôn ngữ kí hiệu.
- Học viên phân chia hình ảnh theo nhóm hoạt động của giáo viên và nhóm hoạt động của nhân viên, bổ sung thêm phần mô tả, giải thích, cho ví dụ minh họa các hoạt động nếu có thể.
- Đại diện mỗi nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm, các nhóm khác theo dõi và góp ý.

- Giảng viên tổng hợp các nội dung trình bày và bổ sung nếu cần về hoạt động của giáo viên và nhân viên trong trường học.



Thông tin cơ bản

Trong nội dung này chỉ đề cập đến những hoạt động mà giáo viên và nhân viên thực hiện có liên quan đến học sinh, đặc biệt là liên quan đến phát triển khả năng ngôn ngữ kí hiệu của học sinh.

1. Hoạt động của giáo viên trong trường học

6 nhiệm vụ của giáo viên tiểu học được quy định trong Điều lệ trường tiểu học (Điều 34 Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014) như sau:

1) Giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh; quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

2) Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

3) Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

4) Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

5) Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

6) Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

Dưới đây là các hoạt động cụ thể hoá các nhiệm vụ trong Thông tư:

- Tìm hiểu về mức độ ngôn ngữ của học sinh, đặc biệt là ngôn ngữ kí hiệu;
- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ phù hợp với nhu cầu và năng lực của học sinh, điều chỉnh chương trình cho phù hợp với học sinh khiếm thính trong lớp;
- Trau dồi kĩ năng ngôn ngữ kí hiệu;



- Tìm hiểu các phương pháp dạy học liên quan đến ngôn ngữ kí hiệu;
- Dạy các môn học trong chương trình;
- Dạy kĩ năng sống;
- Chuẩn bị nội dung dạy và đồ dùng dạy học;



- Tổ chức sinh hoạt lớp, các hoạt động ngoại khoá;
- Thông tin liên lạc với phụ huynh;
- Phát hiện và bồi dưỡng tài năng, năng khiếu của học sinh;



- Định hướng nghề nghiệp hoặc học tập ở bậc học cao hơn;
- Tham gia hướng dẫn hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh do nhà trường tổ chức.

2. Hoạt động của nhân viên trong trường học

Nhân viên trong trường học có thể có nhiều công việc khác nhau nhưng khi tham gia vào quá trình giáo dục học sinh khiếm thính, nhân viên thường sẽ phải thực hiện những hoạt động sau:

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khiếm thính;
- Thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ giáo dục cá nhân cho học sinh theo yêu cầu của đơn vị;
- Hỗ trợ giáo viên trong các hoạt động giáo dục, dạy học cho học sinh khiếm thính;
- Hỗ trợ, tư vấn cho gia đình học sinh khiếm thính;
- Tư vấn sinh hoạt ngoài giờ học của trường và các yếu tố tạo điều kiện cho học sinh khiếm thính hoà nhập thuận lợi.

Hoạt động 2: Các hoạt động dạy học cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên biết được các hoạt động trước, trong và sau khi lên lớp trong dạy học

cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

– Học viên được xem các thẻ hình/thẻ từ và tìm hiểu nghĩa của các thẻ từ. Học viên có thể yêu cầu giảng viên giải thích, cho ví dụ minh hoạ để hiểu rõ nghĩa của các thẻ từ.

– Học viên sắp xếp các thẻ từ/thẻ hình được cung cấp vào 3 nhóm hoạt động trước khi lên lớp, hoạt động trong khi lên lớp và hoạt động sau khi lên lớp. Dán các thẻ từ lên bảng hoặc trình bày lại theo dạng sơ đồ tư duy, có vẽ thêm hình minh hoạ bên cạnh để hiểu rõ nghĩa từ.

– Đại diện học viên lên trình bày kết quả phân nhóm các thẻ từ, các học viên khác theo dõi và bổ sung nếu có.

– Học viên cùng giảng viên mô tả, phân tích các hoạt động trước, trong và sau khi lên lớp của giáo viên và nhân viên có liên quan đến ngôn ngữ kí hiệu.

Hoạt động 3: Thực hành tổ chức hoạt động hỗ trợ giáo viên/nhân viên

Yêu cầu cần đạt:

Học viên tổ chức được hoạt động hỗ trợ giáo viên/nhân viên trong quá trình dạy học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

– Nhóm học viên chọn một trong các công việc trước, trong và sau khi lên lớp và nghĩ ra một hoạt động hỗ trợ.

– Nhóm học viên phân công các thành viên đóng vai thực hành, luân phiên đóng vai là người hỗ trợ.

– Nhóm lên thực hành trước lớp, các nhóm còn lại theo dõi và góp ý.

– Các nhóm tự chọn nội dung bài học, tự chuẩn bị các vật dụng cần thiết để có thể thực hành (thẻ từ, thẻ hình, bút, giấy,...).



Thông tin cơ bản

Người lớn điếc có thể hỗ trợ giáo viên, nhân viên các công việc dưới đây:

1. Hỗ trợ trước khi lên lớp

– Chuẩn bị kí hiệu cho các từ ngữ trong bài, đặc biệt là các từ khoá, từ quan trọng.

Đây là việc làm cực kì cần thiết và quan trọng, quyết định sự thành công của giờ dạy và cả sự tự tin của người dạy khi lên lớp. Người hỗ trợ có thể hỗ trợ bằng cách:



- + Cung cấp các kí hiệu cho giáo viên, nhân viên;
 - + Giới thiệu các trang web, tài liệu tham khảo ngôn ngữ kí hiệu;
 - + Chia sẻ cách ghi nhớ các kí hiệu.
- Chuẩn bị các câu hỏi bằng ngôn ngữ kí hiệu liên quan đến bài học.

Trong quá trình dạy học sinh khiếm thính, đặt câu hỏi là điều mà các giáo viên, nhân viên nhất định phải làm, một mặt để phát huy tính tích cực của học sinh, một mặt để nắm bắt được khả năng của từng em.

Sách giáo khoa hiện hành là sách dành cho tất cả các đối tượng học sinh nên các câu hỏi nêu lên trong các bài học thường rất khó tiếp cận đối với học sinh khiếm thính. Vậy nên, người hỗ trợ cần hỗ trợ giáo viên, nhân viên biết cách đặt câu hỏi giúp học sinh khiếm thính hiểu được bài học.

Những cách có thể dùng để đặt câu hỏi cho học sinh dựa vào bài học là:

- + Thay thế từ trong câu hỏi;
- + Sử dụng từ để hỏi phù hợp;
- + Chia nhỏ nội dung câu hỏi.

Ví dụ:

Trong bài tập đọc “Người trí thức yêu nước”, Tập đọc lớp 3, tập hai, trang 28 có câu hỏi tìm hiểu bài “Bác Đặng Văn Ngữ đã có những đóng góp gì cho hai cuộc kháng chiến?” Câu hỏi này có thể được chia thành các câu hỏi nhỏ với các từ thay thế và từ để hỏi như sau:

- Bác Đặng Văn Ngữ tham gia mấy cuộc kháng chiến? Kể tên.
- Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, bác ấy đã làm gì?
- Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, bác ấy đã làm gì?

Bên cạnh việc chuẩn bị các câu hỏi bằng ngôn ngữ kí hiệu, người hỗ trợ cũng có thể hỗ trợ cho giáo viên, nhân viên chuẩn bị các câu trả lời bằng ngôn ngữ kí hiệu cho các câu hỏi.

- Chuẩn bị các yêu cầu của bài học bằng ngôn ngữ kí hiệu

Trong mỗi bài ở bất kì môn học nào đều có những câu thể hiện yêu cầu. Nếu học sinh không hiểu được các yêu cầu này sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc hoàn thành các bài học, bài tập. Giáo viên, nhân viên cần giúp học sinh hiểu được các yêu cầu.

Người hỗ trợ có thể hỗ trợ giáo viên, nhân viên thực hiện nội dung này với các lưu ý như sau:

- + Kí hiệu động từ ra sau cùng;
- + Sử dụng không gian trong quá trình thực hiện yêu cầu;
- + Làm mẫu yêu cầu;
- + Đưa ra ví dụ thực hiện yêu cầu.

2. Hỗ trợ trong khi lên lớp

Khi lên lớp, giáo viên tiểu học thường thực hiện theo quy trình 5 bước: ổn định tổ chức, kiểm tra bài cũ, giảng bài mới, củng cố, dặn dò; người lớn điếc có thể hỗ trợ giáo viên thực hiện các công việc sau trong quá trình lên lớp:



– Nắm bắt ý tưởng của học sinh, đặt câu hỏi và khen thưởng học sinh thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Hiện nay, nhiều giáo viên chưa thành thạo ngôn ngữ kí hiệu vì nhiều lí do chủ quan và khách quan khác nhau. Do đó, việc nắm bắt, hiểu được những ý tưởng của học sinh cũng là một khó khăn mà giáo viên, nhân viên phải đối mặt.

Để thực hiện tốt được việc này, người hỗ trợ cần chia sẻ cho giáo viên và nhân viên những cách sau:

- + Tìm hiểu khả năng, thói quen sử dụng ngôn ngữ kí hiệu của học sinh;
- + Đọc và hiểu được ý chính, từ khoá mà học sinh thể hiện tùy theo ngữ cảnh;
- + Lập lại các ý mà học sinh vừa thể hiện để làm rõ ý tưởng và hiểu ý tưởng của học sinh;
- + Quan sát bằng mắt thường xuyên vào các biểu hiện trên gương mặt cũng như kí hiệu mà học sinh thể hiện;
- + Hiểu một học sinh thông qua một em học sinh khác (vì đôi khi mối quan hệ bạn bè sẽ giúp các em hiểu nhau hơn, thông thường các em học sinh khá giỏi sẽ dễ

nắm bắt ý tưởng của bạn và giúp trình bày lại cho giáo viên hiểu).

- Tạo/duy trì sự tập trung chú ý của học sinh

Đối với học sinh khiếm thính, duy trì sự tập trung chú ý của học sinh trong suốt buổi học là một kỹ năng thiết yếu mà giáo viên cần phải có. Với đặc trưng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, học sinh khiếm thính chủ yếu tiếp nhận thông tin bằng ánh mắt. Thời gian học kéo dài dễ khiến học sinh mệt mỏi, nhúc nhích. Do đó, người dạy cần lưu ý điểm này để tạo nên các hoạt động chuyển tiếp giữa các tiết học, giúp học sinh thư giãn đầu óc và thư giãn mắt để có thể tiếp tục duy trì sự chú ý cho các giờ học sau.

- Dùng ngôn ngữ kí hiệu để giải thích nghĩa từ

Với vốn ngôn ngữ kí hiệu còn nhiều hạn chế, giáo viên và nhân viên thường xuyên gặp khó khăn trong quá trình giải thích nghĩa từ cho học sinh khiếm thính. Có nhiều cách để làm rõ nghĩa từ khác nhau như sử dụng đồ dùng trực quan, đóng vai, dùng cử chỉ điệu bộ. Tuy nhiên, để học sinh thật sự hiểu được nghĩa từ một cách đầy đủ và sâu sắc thì sử dụng ngôn ngữ kí hiệu là việc làm cần thiết.

- Người hỗ trợ cần hướng dẫn cho giáo viên, nhân viên các cách giải thích nghĩa từ bằng ngôn ngữ kí hiệu như:

- + Sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa;
- + Sử dụng trường từ vựng;
- + Cho ví dụ minh họa, lập tình huống giả định;
- + Giải thích bằng cách tra nghĩa trong từ điển Tiếng Việt và chuyển nghĩa của từ sang ngôn ngữ kí hiệu.

- Dùng ngôn ngữ kí hiệu kết hợp với giáo cụ để làm rõ nội dung bài học

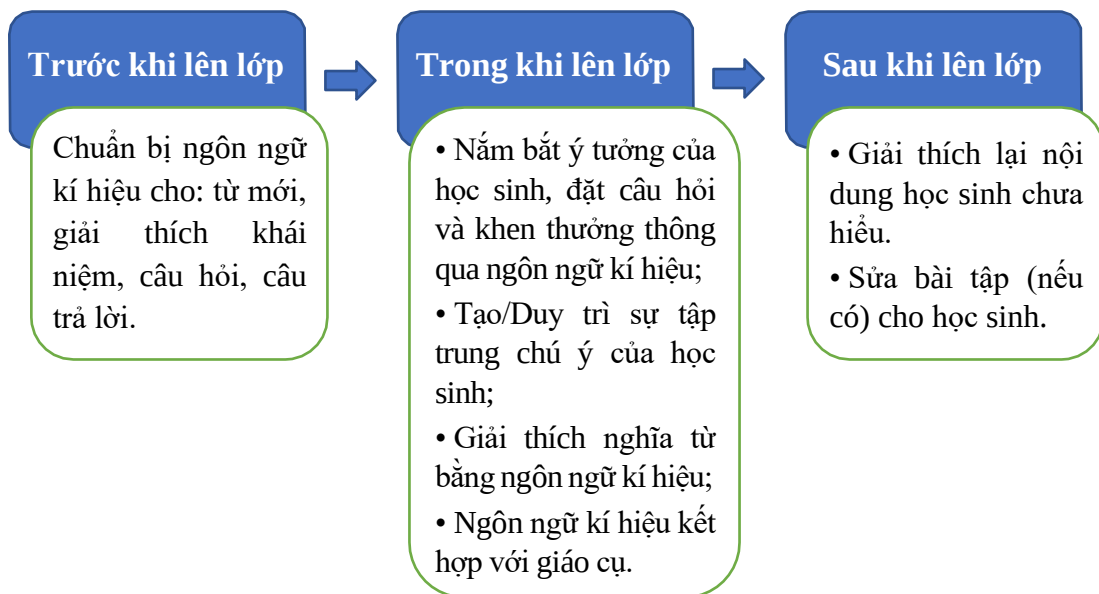
Giáo cụ trực quan không thể nào thiếu trong quá trình dạy học cho học sinh khiếm thính và việc sử dụng hiệu quả các giáo cụ kết hợp với ngôn ngữ kí hiệu cũng là một vấn đề rất khó đối với giáo viên.

- Để giáo viên, nhân viên sử dụng giáo cụ kết hợp với ngôn ngữ kí hiệu được tốt hơn, người hỗ trợ có thể chia sẻ những cách sau:

- + Mô tả cấu tạo giáo cụ bằng ngôn ngữ kí hiệu;
- + Hướng dẫn các sử dụng giáo cụ bằng ngôn ngữ kí hiệu;
- + Thiết kế các giáo cụ song ngữ dành riêng cho học sinh khiếm thính.

3. Hỗ trợ sau khi lên lớp

- Giải thích lại các nội dung mà học sinh chưa hiểu;
- Sửa bài tập (nếu có) cho học sinh.



2. Hỗ trợ giáo viên và nhân viên nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong giao tiếp với học sinh khiếm thính

Hoạt động 4: Môi trường giao tiếp giữa học sinh khiếm thính với giáo viên và nhân viên

Yêu cầu cần đạt:

Học viên gọi tên được các môi trường giao tiếp giữa học sinh khiếm thính với giáo viên và nhân viên.

Cách thức tiến hành:

- Các nhóm học viên thi đua liệt kê nhanh các hoạt động thường xuyên diễn ra trong trường học trong thời gian ngắn (1 phút), không có hình ảnh. Sau 1 phút, kết quả sẽ được ghi nhận về số lượng đáp án mà các nhóm đưa ra.
- Đáp án sẽ được giảng viên đưa ra là các hình ảnh môi trường giao tiếp giữa học sinh khiếm thính với giáo viên hoặc nhân viên.
- Một lần nữa, học viên nhanh tay giành quyền ưu tiên gọi tên các hình ảnh sau khi xem xong, mỗi lần đúng sẽ được cộng 1 điểm cho nhóm. Kết quả cuối cùng là điểm tổng của 2 bước trong hoạt động.

– Đại diện học viên trình bày lại các môi trường giao tiếp giữa học sinh khiếm thính với giáo viên và nhân viên được chiếu trên màn hình. Ở mỗi môi trường giao tiếp, học viên nêu cụ thể nội dung giao tiếp nếu được. Các học viên khác theo dõi và bổ sung ý kiến.



Thông tin cơ bản

Môi trường giao tiếp giữa học sinh khiếm thính với giáo viên và nhân viên là:

1. Trong học tập

– Trong giờ học cả lớp, giờ học cá nhân chủ yếu nội dung giao tiếp hướng đến nội dung bài học, các môn học;

– Trong giờ ra chơi, học sinh khiếm thính có thể trò chuyện với giáo viên và nhân viên về những điều mình còn thắc mắc, chưa hiểu trong bài, hoặc chỉ đơn giản là để chia sẻ một câu chuyện cá nhân;

– Sau giờ học có thể là thời gian để giáo viên, nhân viên trao đổi với phụ huynh và có phần dặn dò riêng đối với từng em học sinh.



2. Trong các hoạt động giáo dục



– Trong những chuyến tham quan dã ngoại;

– Trong các chương trình lễ hội hàng năm: Giỗ tổ Hùng Vương, Quốc tế thiếu nhi, Nhà giáo Việt Nam,...

– Trong các hoạt động ngoài giờ: sinh hoạt dưới cờ, giờ luyện tập thể thao, luyện tập văn nghệ,....

– Trong các hoạt động thực hành kỹ năng sống (giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại,...); hoạt động chăm sóc (nhiều trường chuyên biệt nội trú giáo viên và nhân viên còn hướng dẫn cả những cách tự chăm sóc bản thân cho học sinh).

Hoạt động 5: Cách hỗ trợ giáo viên và nhân viên nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong giao tiếp với học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên biết cách tổ chức hoạt động hỗ trợ giáo viên và nhân viên tạo sự chú ý của học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Học viên cùng nhau trả lời câu hỏi “Nếu không chú ý, học sinh có thể hiểu được nội dung bài học không? Vì sao?”, “Vì sao học sinh lại không chú ý?”.
- Câu trả lời của học viên sẽ được ghi lại trên bảng để dựa vào đó học viên theo nhóm sáng tạo (có tham khảo nội dung bên dưới) những cách để hỗ trợ giáo viên, nhân viên tạo sự chú ý cho học sinh.
- Học viên nghĩ ra các hoạt động với các yếu tố: tên hoạt động, mục tiêu của hoạt động, cách tổ chức hoạt động, các vật dụng cần chuẩn bị; đại diện học viên giải thích cách thực hiện của những hoạt động nhóm mình nghĩ ra trước lớp.
- Sau khi trình bày xong, các nhóm thực hành một trong số các hoạt động mà nhóm mình nghĩ ra trước lớp.
- Các nhóm khác theo dõi và chia sẻ ý kiến, giảng viên đưa ra những nhận xét.
- Giảng viên nêu lên một số điều cần lưu ý trong hoạt động mà các nhóm đưa ra.



Thông tin cơ bản

1. Cách tạo sự chú ý với học sinh khiếm thính khi sử dụng ngôn ngữ kí hiệu

- Chạm nhẹ vào học sinh để gián đoạn những việc trẻ đang làm và chú ý vào nội dung được thể hiện bằng kí hiệu;
- Sử dụng biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể để tạo sự chú ý;
- Sử dụng tay hoặc chuyển động của cơ thể để bắt lấy sự chú ý bằng mắt của học sinh;
- Sử dụng ánh sáng để tạo sự chú ý và thu hút sự tập trung của học sinh;
- Chỉ vào một đồ vật mà học sinh thích đồng thời giáo viên cũng phải quan sát để theo dõi phản ứng của học sinh.

2. Gợi ý một số hoạt động hỗ trợ giáo viên và nhân viên tạo sự chú ý với học sinh khiếm thính khi sử dụng ngôn ngữ kí hiệu

- Giới thiệu các video có sẵn do các câu lạc bộ, hội, nhóm trong cộng đồng người điếc thực hiện về cách tạo sự chú ý với học sinh khiếm thính;
- Người hỗ trợ ghi hình một video hướng dẫn và cho giáo viên, nhân viên xem, phân tích video, thực hiện lại các cách theo video;

- Người hỗ trợ hướng dẫn và thực hành trực tiếp với giáo viên, nhân viên;
- Hỗ trợ giáo viên, nhân viên trong quá trình lên lớp trực tiếp có tình huống cụ thể.

Hoạt động 6: Thực hành tổ chức hoạt động hỗ trợ giáo viên, nhân viên

Yêu cầu cần đạt:

Học viên hiểu được các nội dung cần thiết trong hướng dẫn cho giáo viên và nhân viên giao tiếp với học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Học viên xem một phần đóng vai ngắn về một giáo viên không giao tiếp được với học sinh và nêu lên suy nghĩ của mình (giảng viên sẽ vào vai giáo viên).
- Nhóm học viên thảo luận và nghĩ ra hoạt động hỗ trợ cho giáo viên trong phần đóng vai để có thể giao tiếp được với học sinh khiếm thính.
- Mỗi nhóm sẽ lên thực hành một hoạt động (gợi ý: bắt đầu và kết thúc câu bằng thông tin quan trọng, kí hiệu chậm, kí hiệu với không gian to, chỉ vào đồ vật,...)
- Các nhóm khác theo dõi và góp ý.



Thông tin cơ bản

1. Cách giao tiếp hiệu quả bằng ngôn ngữ kí hiệu

- Tạo môi trường có đủ ánh sáng đảm bảo học sinh có thể quan sát rõ ràng các hoạt động xung quanh;
- Chỉ vào vật và thể hiện kí hiệu (có thể chỉ vào vật lại lần nữa);
- Vị trí của người làm kí hiệu (tay, mặt) và các đồ vật cần thiết nên nằm trong tầm quan sát của học sinh;
- Sử dụng các áp phích, biểu đồ, thẻ màu, hình ảnh, đồ họa, video có chú thích hoặc bất kì các vật thu hút thị giác để khuyến khích học sinh chủ động giao tiếp;
- Chờ đợi cho đến khi học sinh bắt đầu tham gia vào giao tiếp;
- Dành thời gian để trẻ hiểu về nội dung đang tìm hiểu, đặc biệt là khi đang dạy học trong môi trường có nhiều yếu tố ảnh hưởng xung quanh;
- Làm chậm/nhanh tốc độ giao tiếp cho phù hợp với khả năng của học sinh;

- Kí hiệu với không gian to hơn, lặp lại hoặc làm chậm chuyển động của kí hiệu để đảm bảo học sinh có thể nhìn thấy được đầy đủ cách thực hiện kí hiệu;
- Nếu học sinh không hiểu những gì đang thể hiện, đừng lặp lại nội dung theo cách cũ, hãy thể hiện bằng một cách khác phù hợp với khả năng nhận biết của trẻ hơn;
- Lặp lại điều trẻ vừa nói bằng cách khác và có bổ sung thông tin mới, thú vị;
- Đặt câu hỏi để học sinh suy nghĩ và trả lời bằng ngôn ngữ kí hiệu thay vì cung cấp thông tin trước;
- Tăng vốn kí hiệu và dùng ngôn ngữ kí hiệu để giải thích khi học sinh có nhu cầu;
- Thể hiện nội dung ngắn gọn, câu hoặc cụm từ ngắn;
- Bắt đầu và kết thúc nội dung trình bày bằng các thông tin quan trọng (ví dụ: Con mèo đó có lông màu đen, con mèo.);
- Khen thưởng học sinh các em đáp lại và từ đó học được các qui tắc ứng xử trong xã hội thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Câu hỏi

- Đây là hoạt động của giáo viên và đây là hoạt động của nhân viên trong trường học? (có hình ảnh kèm theo)
- Theo anh/chị, học sinh khiếm thính với giáo viên và nhân viên thường giao tiếp ở những môi trường nào?

2. Bài tập thực hành

- Đóng vai hỗ trợ cho giáo viên/nhân viên trước giờ lên lớp.
- Thực hành thông báo cho học sinh về một hoạt động ngoại khoá sắp diễn ra bằng ngôn ngữ kí hiệu.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Thị Xuân Mỹ (chủ biên), Trần Thị Ngọc Lan (2017), *Kí hiệu ngôn ngữ và Ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Dự án giáo dục đại học cho người điếc Việt Nam thông qua sự phân tích, giảng dạy và phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu (2007), *Ngôn ngữ kí hiệu Thành phố Hồ Chí Minh, Sách học viên trình độ 1*, NXB Phụ nữ.
3. Dự án giáo dục đại học cho người điếc Việt Nam thông qua sự phân tích, giảng dạy và phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu (2007), *Ngôn ngữ kí hiệu Thành phố Hồ Chí Minh. Sách học viên trình độ 2*, NXB Phụ nữ.
4. Dự án giáo dục đại học cho người điếc Việt Nam thông qua sự phân tích, giảng dạy và phiên dịch Ngôn ngữ kí hiệu (2010), *Ngôn ngữ kí hiệu Thành phố Hồ Chí Minh, Sách học viên trình độ 3*, NXB Văn hoá thông tin.
5. Marc Marschark, Peter C. Hauser (2012), *How Deaf Children Learn: What Parents and Teachers Need to Know*, Oxford University Press.
6. Sandy Niemann, Devorah Greenstein, Darlena David (người dịch: Nguyễn Thị Thục An, Đinh Bích Hạnh, Nguyễn Thị Cẩm Hương) (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động - Xã hội.
7. Trần Thị Thiệp (chủ biên), Bùi Thị Anh Phương, Nguyễn Thị Cẩm Hương, Vương Hồng Tâm (2016), *Giáo trình ngôn ngữ kí hiệu thực hành*, NXB Đại học Sư phạm.
8. Giáo dục sáng tạo (2017), *Từ điển ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*, <https://www.tudienngonngukyhieu.com>.

**Chủ đề 4. Hỗ trợ hòa nhập, giáo dục giới tính,
phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính**

Số tiết: 14 (7 lí thuyết, 7 thực hành)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Trình bày được nội dung cơ bản về hỗ trợ hòa nhập, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính;
- Nêu được các yêu cầu, cách thức trong việc hỗ trợ hòa nhập, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính;
- Sử dụng được các cách thức hỗ trợ hòa nhập, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính.

2. Phẩm chất

- Có thái độ tích cực trong việc hỗ trợ hòa nhập, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính;
- Tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ hòa nhập, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Hỗ trợ hòa nhập cho học sinh khiếm thính

Hoạt động 1: Vòng bạn bè và xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được những nội dung cơ bản của vòng bạn bè.
- Học viên trình bày được những cách cơ bản để xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Chia nhóm học viên (từ 5-7 thành viên/nhóm). Học viên thảo luận theo nhóm về cách thức/phương pháp xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khiếm thính.
- Chia sẻ tài liệu về cách thức xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khiếm thính.
- Tổ chức cho học viên thảo luận các vấn đề có liên quan. Mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Hình thức trình bày: viết/vẽ...



1. Vòng bạn bè của học sinh khiếm thính

“Vòng bạn bè” là xác lập các mối quan hệ xã hội để định ra phương châm ứng xử phù hợp, tạo điều kiện cho học sinh phát triển một cách tốt nhất. Đối với học sinh khiếm thính, vòng bạn bè có vai trò:

- Tăng vốn hiểu biết, kiến thức về môi trường xã hội, về các mối liên hệ xã hội;
- Thỏa mãn nhu cầu được giao tiếp, được gắn bó trong các mối quan hệ an toàn;
- Xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh, hỗ trợ sự phát triển tích cực;
- Giúp học sinh khiếm thính hòa nhập cộng đồng tốt hơn;
- Hình thành và phát triển tình cảm, đặc biệt là cảm xúc xã hội và các kỹ năng cảm xúc xã hội cho học sinh khiếm thính;
- Giúp học sinh khiếm thính học tập và rèn luyện kỹ năng ứng xử.

2. Xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khiếm thính

a) Xây dựng “vòng bạn bè”: là thành lập nhóm bạn sẵn sàng giúp đỡ cho học sinh khiếm thính. Những em này biết quý mến bạn, không ngại khó và có ý thức trách nhiệm khi được giáo viên phân công. Các em là những người thường xuyên cùng học sinh khiếm thính tham gia vào mọi hoạt động của lớp và trường.

b) Các hình thức xây dựng vòng bạn bè: có nhiều hình thức khác nhau để xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khiếm thính, tùy thuộc vào kinh nghiệm, sự linh hoạt, nhiệt tình của giáo viên. Một số hình thức có thể tham khảo:

- Tổ chức nhiều hoạt động học tập, hoạt động vui chơi, hoạt động tập thể cho học sinh khiếm thính tham gia tích cực;
- Xây dựng những nhóm bạn để giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau khi giáo viên không có mặt;
- Kích thích tính tự nguyện của các cá nhân để hỗ trợ học sinh khiếm thính...

c) Vòng bạn bè của học sinh khiếm thính

- Vòng 1: Vòng thân thiện, gần gũi.
- Vòng 2: Vòng thân tình.
- Vòng 3: Những người cùng tham gia.
- Vòng 4: Vòng chia sẻ.

d) Các bước xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khiếm thính

- Bước 1: Giải thích ý nghĩa của mối quan hệ thân thiện giữa các học sinh.
- Bước 2: Giải thích ý nghĩa của từng vòng tay bạn bè.
- Bước 3: Phát cho mỗi học sinh 1 tờ giấy đã vẽ sẵn 4 vòng có dán ảnh của học sinh khiếm thính cần thiết lập vòng bạn bè vào giữa.
- Bước 4: Hướng dẫn học sinh chọn 1 bạn yêu thích nhất cho vào vòng 1 và dán ảnh của bạn đó vào vòng 1, và làm hết đến vòng 4.
- Bước 5: Dựa vào vòng bạn bè của từng học sinh, trao đổi về vai trò của vòng bạn bè đó với cá nhân từng học sinh.
- Bước 6: Trao đổi với cả lớp về vòng bạn bè của học sinh khiếm thính.
- Bước 7: Phân tích vai trò của vòng 1.
- Bước 8: Trao đổi với cả lớp làm thế nào để những người bạn trong lớp có thể trở thành những người bạn trong vòng 1 của học sinh khiếm thính.
- Bước 9: Trao đổi với học sinh để thực hiện các ý tưởng đã bàn.

e) Nâng cao hiệu quả của vòng bạn bè: để nâng cao hiệu quả của vòng bạn bè, người lớn điếc có thể:

- Tổ chức nhiều hoạt động khác nhau để học sinh khiếm thính và các bạn tham gia nhằm hiểu biết, giúp đỡ lẫn nhau;
- Động viên, khuyến khích những hành vi tốt;
- Nêu gương những trường hợp điển hình...

Hoạt động 2: Tổ chức các hoạt động hỗ trợ hòa nhập cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên trình bày được cách thức/hoạt động hỗ trợ hòa nhập cho học sinh khiếm thính.
- Học viên vận dụng các yêu cầu để xây dựng, lên kế hoạch và thiết lập hoạt động hỗ trợ hòa nhập cho học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên nêu rõ yêu cầu của hoạt động để học viên nắm được cách thức thực hiện: viết/ vẽ/... để trình bày cách thức tổ chức hoạt động hỗ trợ hòa nhập giúp phát triển thể mạnh/năng khiếu, khám phá của học sinh khiếm thính (mỗi nhóm lựa chọn một hoạt động để xây dựng cách thức tổ chức)
- Mời đại diện nhóm lên trình bày về sản phẩm về cách thức/hoạt động hỗ trợ hòa nhập cho học sinh khiếm thính.



Thông tin cơ bản

1. Các yêu cầu chung về hoạt động hỗ trợ hòa nhập cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Khi đến trường phân lớn học sinh khiếm thính dùng ngôn ngữ kí hiệu để sử dụng trong giao tiếp hàng ngày. Trong khi đó, hầu hết giáo viên nơi các em học tập thường có ít hoặc không có kinh nghiệm làm việc với học sinh khiếm thính. Học sinh khiếm thính bị đặt trong môi trường giáo dục đầy khó khăn, trong đó các em phải cố gắng học hỏi và hòa nhập xã hội (Luckner, 1991). Do đó, để hoạt động hỗ trợ hòa nhập cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu tốt hơn, cần đảm bảo một số yêu cầu chung như sau:

- Người điếc lớn muốn hướng dẫn học sinh khiếm thính có hiệu quả thì trước hết phải biết về ngôn ngữ kí hiệu và có thể hiểu được các em thông qua kí hiệu tự phát của học sinh khiếm thính. Mỗi học sinh khiếm thính đều có cách ra hiệu riêng, người điếc lớn phải tìm hiểu và sử dụng được những kí hiệu riêng của các em trước khi tổ chức các hoạt động và dạy cho các em những kí hiệu qui ước.
- Việc lựa chọn các hoạt động tổ chức cho học sinh khiếm thính và đồ dùng phải gần gũi với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của các em. Từ đó giúp các em có thể lĩnh hội dễ dàng hơn, đồng thời bổ sung thêm kinh nghiệm sống.
- Các hoạt động lựa chọn tổ chức cho học sinh khiếm thính cần được tính toán, lựa chọn phù hợp với nhu cầu hay sở thích của học sinh. Có như vậy mới khuyến khích được các em tham gia tích cực. Để làm được điều này, người điếc lớn cần phải có kĩ năng nhận ra giới hạn và nhu cầu của học sinh.
- Để các hoạt động tổ chức có hiệu quả và giúp cho học sinh khiếm thính hòa nhập tốt thì sự tham gia của nhiều thành viên trong cộng đồng là rất quan trọng. Vì vậy, người điếc lớn cần phối hợp với gia đình các em để thống nhất cách tổ chức hoạt động và khuyến khích tham gia. Đồng thời, xây dựng được mạng lưới hỗ trợ và

cùng tham gia của học sinh bình thường.

- Người hỗ trợ cần phải có kỹ năng lắng nghe sự chia sẻ của học sinh khiếm thính. Biết xây dựng và tổ chức các hoạt động dựa trên mức độ giao tiếp của học sinh, biết cách khuyến khích và động viên trong quá trình các em tham gia các hoạt động.

- Các hoạt động hỗ trợ hòa nhập phải giúp học sinh khiếm thính có được kiến thức, kỹ năng xã hội để các em có thể hòa nhập, cùng chung sống, học tập và làm việc trong cộng đồng.

2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động hỗ trợ hòa nhập cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Nghiên cứu của Suarez (Suarez, 2000) nhận thấy rằng các hoạt động hỗ trợ và một chương trình can thiệp kỹ năng xã hội đã dẫn đến cải thiện đáng kể hành vi quyết đoán trong cuộc sống học đường của học sinh khiếm thính, cũng như gia tăng khả năng điều chỉnh cảm xúc, điều chỉnh kỹ năng xã hội và hình ảnh bản thân. Mặt khác, cũng giống như học sinh không có vấn đề về thính giác, học sinh khiếm thính cũng có những năng lực ở các lĩnh vực nhất định. Do đó, cần tổ chức những hoạt động để các em có thể phát huy được khả năng của bản thân, chính điều này sẽ tạo ra ở các em niềm tin, cũng là để xã hội nhìn nhận các em một cách tích cực hơn. Các hoạt động bao gồm:

- Thành lập các câu lạc bộ trong trường học hoặc ngoài cộng đồng như: Câu lạc bộ **“Chia sẻ để hiểu hơn”** ở đây các em sẽ được dạy ngôn ngữ kí hiệu và đặc biệt được trao đổi chia sẻ với nhau về những vấn đề mà các em quan tâm. Với sự hỗ trợ của người lớn điếc sẽ giúp các em tích lũy kinh nghiệm, kiến thức và đặc biệt khi được tôn trọng (được người khác lắng nghe) sẽ giúp các em tự tin hơn khi giao tiếp, tự tin vào bản thân, vào khả năng của mình.

- Tổ chức câu lạc bộ **“Em làm họa sĩ”** những câu lạc bộ như thế này sẽ giúp các em phát triển thế mạnh của mình. Đồng thời ở đó các em sẽ có cơ hội học hỏi, giao lưu để thêm tự tin.

- Tổ chức các **câu lạc bộ/các hoạt động múa thể hình**: học sinh khiếm thính có khả năng quan sát, bắt chước và sự khéo léo trong kỹ năng vận động, học sinh sẽ được múa hát bằng ngôn ngữ kí hiệu, đặc biệt là những động tác múa thể hình các em sẽ dễ dàng tiếp thu, từ đó sẽ tạo ra sân chơi bổ ích và thể hiện được tài năng của học sinh.

- Tổ chức **hoạt động dã ngoại/ngoại khóa**: các hoạt động này sẽ giúp cho học sinh tìm hiểu về môi trường xung quanh, văn hóa địa phương, các ngành nghề truyền thống.

2. Giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính

Hoạt động 3: Giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được những nội dung giáo dục giới tính cơ bản cho học sinh khiếm thính cấp Tiểu học.
- Học viên trình bày được những nội dung cơ bản của giáo dục giới tính cấp Tiểu học dành cho học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên chuẩn bị các thăm có chứa các từ khóa liên quan đến những nội dung giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính.
- Giảng viên để học viên tự chia nhóm với nhau (từ 5 - 7 thành viên/nhóm), đại diện lên miêu tả từ khóa (về những nội dung cơ bản của giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính) cho nhóm mình, các thành viên của nhóm có nhiệm vụ đoán được từ khóa và tìm chính xác nội dung từ khóa trong các phiếu.
- Giảng viên ra yêu cầu nhóm nào giải được từ khóa sẽ được điểm cộng, nếu hết thời gian mà không đoán được thì quyền trả lời thuộc về nhóm khác.
- Sau khi giải hết các từ khóa, giảng viên tổng kết điểm và có phần thưởng khuyến khích.
- Sau đó, mời một số học viên/nhóm chia sẻ kiến thức về những từ khóa tìm được.
- Giảng viên kết hợp cho học viên xem các video liên quan đến giáo dục giới tính hoặc sử dụng tranh ảnh để hướng dẫn cho học viên.



Thông tin cơ bản

1. Các yêu cầu giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính

Những nghiên cứu đã chỉ ra một đặc điểm của là người khiếm thính thường hòa nhập dễ dàng hơn với cộng đồng khiếm thính khác và những người khiếm thính thường không tin vào những người có thính giác bình thường (Ona Needelman, 2015). Vì vậy, thông qua những người lớn điếc, học sinh sẽ dễ dàng tìm được sự đồng cảm hơn.

Ngôn ngữ và thông tin phải phù hợp: Đối với học sinh khiếm thính, người điếc lớn ngoài việc dùng ngôn ngữ kí hiệu, thì còn thông qua việc sử dụng tranh ảnh.

Cần bắt đầu từ những kiến thức cơ bản, tránh nhồi nhét. Đối với mỗi lứa tuổi,

mỗi giai đoạn, chúng ta phải lựa chọn những phương pháp khác nhau. Ở độ tuổi tiểu học, giáo dục về giới tính nam, nữ; về những hành vi bị coi là xấu hay một số kiến thức xã hội thông thường như: không được ra ngoài một mình vào ban đêm, không đi theo người lạ...

Đồng thời, chúng ta phải dạy học sinh cách ứng phó khi gặp người lạ, cách thoát khỏi sự kiểm soát của những đối tượng xấu bằng việc xây dựng những tình huống thực tế và để các em thử đóng vai nhân vật trong đó. Từ đó, các em sẽ đỡ ngỡ hơn khi gặp tình huống tương tự.

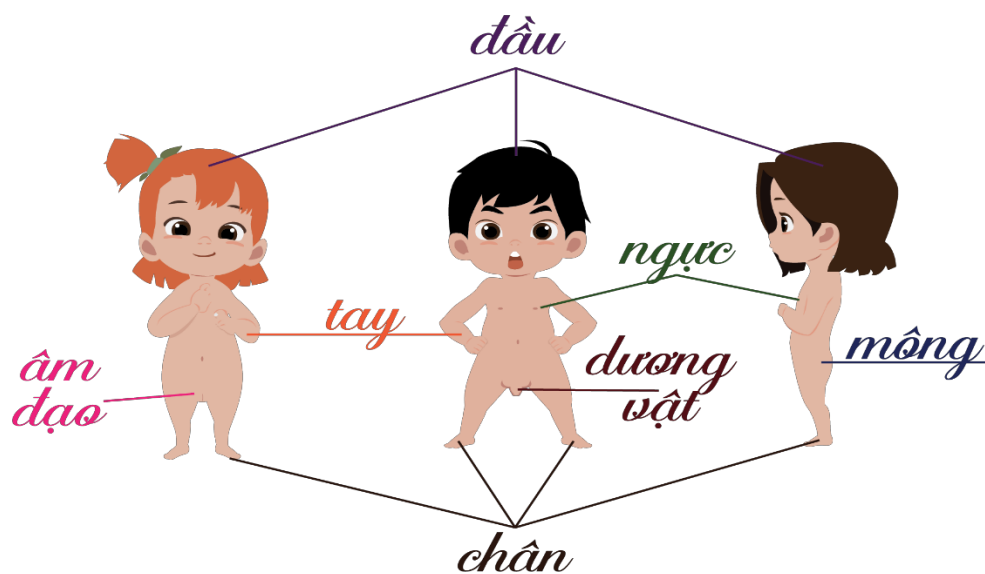
Giúp học sinh hiểu giới tính không phải là chuyện cấm kỵ là một phần tự nhiên của con người phải học. Cần đảm bảo những giờ học cho học sinh là những kiến thức đúng đắn, an toàn.

Trò chuyện với học sinh một cách nghiêm túc. Tạo ra một môi trường thân thiện để có thể thảo luận một cách thoải mái. Giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính nên chọn người cùng giới.

2. Những nội dung giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính

a) Giúp học sinh khiếm thính phân biệt giới tính nam và giới tính nữ và các bộ phận trên cơ thể

– Dạy cho học sinh biết trên cơ thể gồm có những bộ phận nào? Đồng thời nhấn mạnh cho các em rằng đây là những vùng trên cơ thể không ai khác được động chạm vào ngoài cha mẹ, ông bà khi tắm rửa. Nếu bất cứ ai cố tình chạm vào mà không được con cho phép, làm những hành động khác thường ở nơi vắng vẻ thì đây là hành vi xấu. Em hãy gào khóc, hét to, bỏ chạy để báo cho mọi người xung quanh giúp đỡ.



Sơ đồ các bộ phận trên cơ thể [1]

- Giúp các em biết giữa bạn trai và bạn gái khác nhau ở điểm nào?



Sơ đồ minh họa vùng riêng tư [1]

b) Giúp học sinh khiếm thính nhận biết các dấu hiệu, tình huống có nguy cơ xâm hại tình dục

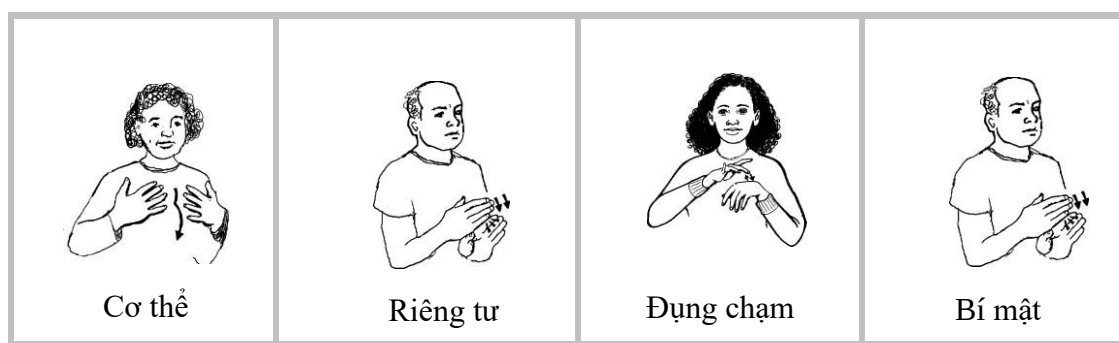
Giúp học sinh khiếm thính phân biệt đâu là những đụng chạm an toàn và đâu là những đụng chạm không an toàn để tự bảo vệ cơ thể của học sinh.

- Những cử chỉ, hành động được sự đồng ý của học sinh, chạm vào các bộ phận được phép chạm trên cơ thể học sinh, không gây cảm giác khó chịu hoặc sợ hãi cho học sinh. Ví dụ: bắt tay, xoa đầu, hôn má, ôm nhẹ nhàng, vuốt tóc, nựng má... Đây là những đụng chạm được xem là an toàn đối với các em.

- Những cử chỉ, hành động không được sự đồng ý của học sinh, chạm vào các bộ phận riêng tư trên cơ thể học sinh, gây cảm giác khó chịu, sợ hãi cho học sinh. Ví dụ: sờ mó, đụng chạm vào vào ngực (bé gái), vào hông và bộ phận sinh dục... Những đụng chạm này không an toàn và có nguy cơ dẫn đến xâm hại tình dục đối với các em.

Ngoại trừ trường hợp học sinh bị bệnh, bị thương cần sự trợ giúp để khám chữa bệnh, chăm sóc bản thân, tuy nhiên điều này cũng cần sự có mặt của cha mẹ hoặc người chăm sóc học sinh.

Bên cạnh đó có thể sử dụng một số kí hiệu để giải thích các nội dung liên quan đến giáo dục giới tính và phòng tránh xâm hại.[5]



			
Giúp đỡ	Làm đau/xâm hại	Tốt	Xấu
			
Bộ phận sinh dục	Dương vật	Tình dục	Hiếp dâm

Hoạt động 4: Thảo luận về kĩ năng phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được các yêu cầu phòng chống bạo lực và xâm hại cho học sinh khiếm thính.
- Học viên trình bày được các yêu cầu phòng chống bạo lực và xâm hại cho học sinh khiếm thính.

Cách thức thực hiện:

- Chia nhóm học viên (không quá 5 thành viên/nhóm). Học viên thảo luận theo nhóm (không quá 5 thành viên/nhóm) về các yêu cầu trong phòng chống bạo lực và xâm hại cho học sinh khiếm thính.
- Chia sẻ tài liệu về các yêu cầu phòng chống bạo lực và xâm hại cho học sinh khiếm thính.
- Tổ chức cho học viên thảo luận các vấn đề có liên quan, mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Hình thức trình bày: viết/vẽ...



Thông tin cơ bản

1. Các yêu cầu cần đạt trong phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh khiếm thính

a. Về nhận thức

- Biết được biểu hiện hành vi xâm hại tình dục.
- Biết được các bước phòng chống xâm hại tình dục.
- Biết được các dấu hiệu cảnh báo và nguy cơ xâm hại tình dục, phân biệt những đụng chạm an toàn và không an toàn.
- Biết được các quyền của trẻ em: Quyền được “nói không”, từ chối với những hành vi xâm hại tình dục.

b. Về thái độ

- Bình tĩnh, không hoảng loạn khi đối diện các tình huống nguy cơ xâm hại tình dục để có được hành vi ứng xử phù hợp.
- Thể hiện sự phản đối rõ ràng, dứt khoát khi bị dụ dỗ lôi kéo.
- Tích cực, chủ động tự bảo vệ bản thân tránh các tình huống có nguy cơ xâm hại tình dục.
- Thể hiện sự tự tin, mạnh mẽ, cương quyết qua nét mặt đồng thời thông các hành động, cử chỉ để nói “Không”, “Dừng lại” khi thấy biểu hiện hành vi xâm hại tình dục.

c. Về hành vi

- “Nói không”, phản đối hành vi xâm hại tình dục bằng việc “nói không” bằng cách xua tay theo các cường độ khác nhau dựa vào các báo động nhìn, nói, chạm, báo động ôm và báo động một mình.
- Biết cách tìm kiếm sự giúp đỡ khi bị rơi vào tình huống xâm hại.
- Đi khỏi hoặc bỏ chạy khỏi tình huống có nguy cơ xâm hại tình dục. Đồng thời chia sẻ, kể lại sự việc với cha mẹ, người lớn mà các em tin tưởng.

2. Yêu cầu trong phòng, chống bạo lực cho học sinh khiếm thính

a. Về nhận thức

- Giúp học sinh khiếm thính hiểu thế nào là bạo lực học đường.
- Phân biệt được các loại bạo lực khác nhau.

- Nhận biết hành vi có nguy cơ dẫn đến bạo lực học đường.
- Biết được những cách ứng phó phù hợp khi rơi vào tình huống bị bạo lực.

b. Về thái độ

- Bình tĩnh, không hoảng loạn khi đối diện các tình huống có nguy cơ bạo lực, hoặc tình huống bạo lực.
- Tích cực, chủ động tự bảo vệ bản thân tránh các tình huống có nguy cơ bị bạo lực.
- Thể hiện sự tự tin, mạnh mẽ, cương quyết qua cử chỉ, nét mặt.

c. Về hành vi

- Biết cách tìm kiếm sự giúp đỡ khi bị rơi vào tình huống bạo lực.
- Biết cách tự kiểm soát và quản lý cảm xúc bản thân để không xảy ra tình huống bạo lực, hoặc làm gia tăng bạo lực.
- Biết cách chia sẻ thông tin với người tin cậy để nhận được sự đồng cảm, chia sẻ và hỗ trợ phù hợp.

Hoạt động 5: Thực hành một số biện pháp rèn luyện kĩ năng phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được quy trình thiết kế các hoạt động giáo dục giới tính có lồng ghép nội dung phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- Học viên vận dụng các yêu cầu cần đạt để thiết kế các hoạt động giáo dục giới tính có lồng ghép nội dung phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức thực hiện:

- Giảng viên có thể chia nhóm lớn, hoặc làm cặp đôi, làm cá nhân. Tùy vào bầu không khí lớp học.
- Giảng viên đưa ra yêu cầu về thiết kế các hoạt động giáo dục giới tính có lồng ghép nội dung phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- Học viên có thể viết, vẽ tranh, sử dụng các video.

– Sau khi học viên hoàn thành, giảng viên mời một số đại diện chia sẻ. Những sản phẩm còn lại sẽ được chia sẻ với cả lớp thông qua các kênh mạng xã hội, hoặc tổ chức trưng bày theo kỹ thuật phòng tranh.

– Giảng viên chốt lại những nội dung chính, đồng thời có thể sử dụng các video để hỗ trợ.



Thông tin cơ bản

Rèn luyện kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính

1. Cấu trúc của các bước trong rèn luyện kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính

Kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính là một hệ thống cấu trúc bao gồm các bước với các thao tác cụ thể sau:

Bước thứ nhất: Nhận thức vấn đề xâm hại tính dục và các dấu hiệu cảnh báo nguy cơ xâm hại tính dục

Trong bước nhận thức vấn đề giúp học sinh khiếm thính nhận diện vấn đề xâm hại tình dục: các biểu hiện hành vi xâm hại tình dục, nhận diện các đối tượng xâm hại tình dục, các bước phòng tránh quyền trẻ em, các dụng cụ an toàn và không an toàn.

Tuy nhiên, để nhận diện được những biểu hiện này, cần cho học sinh nhận thức được các quyền trẻ em, quyền được nói “không”, quyền được nói lên cảm xúc của bản thân, dụng cụ an toàn và không an toàn trên cơ thể.

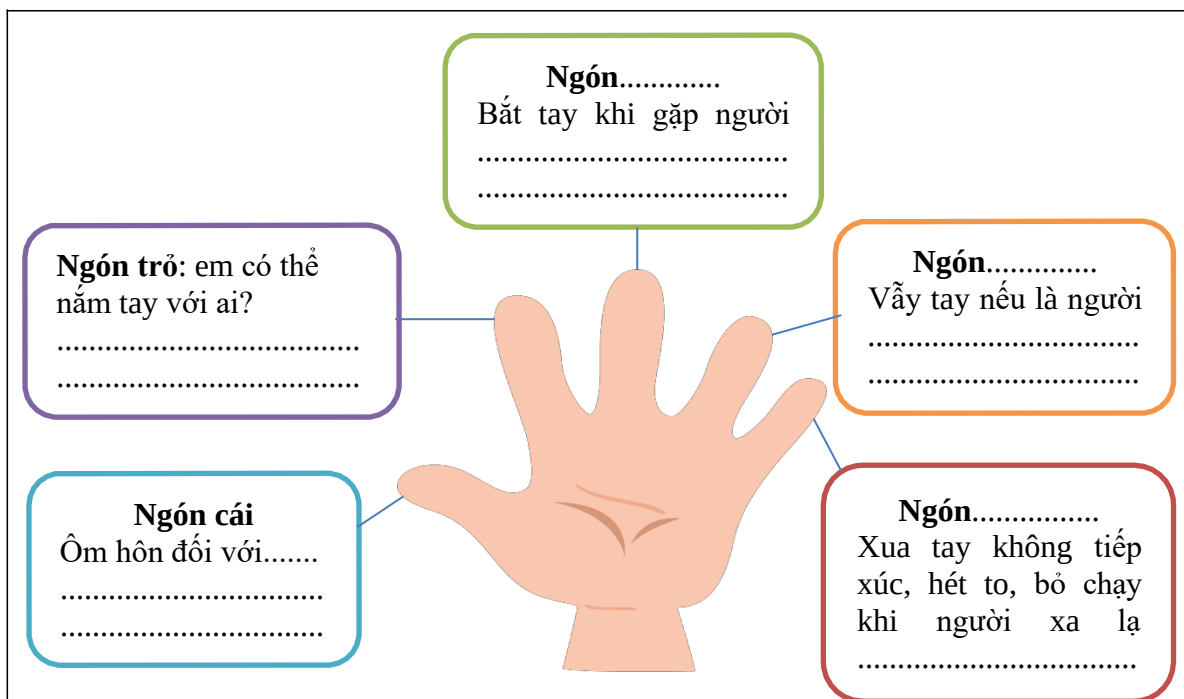
Bước thứ hai: Biểu lộ thái độ trong hành vi ứng xử phù hợp

- Biểu lộ thái độ:
- Thể hiện hành vi ứng xử tương ứng:
 - + “Nói không”;
 - + Đi khỏi hoặc bỏ chạy;
 - + Chia sẻ với người lớn.

2. Hướng dẫn rèn luyện kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính

Nguyên tắc 5 ngón tay

Hoàn thành bức tranh sau:



Sơ đồ nguyên tắc 5 ngón tay [1]

- Ngón cái - gần mình nhất tượng trưng cho những người thân ruột thịt trong gia đình như ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột - bé có thể ôm hôn mọi người hoặc đồng ý đề các thành viên trong nhà ôm hôn, thể hiện tình yêu thương, tắm rửa khi bé còn nhỏ.
- Ngón trỏ - tượng trưng cho thầy cô, bạn bè ở trường lớp hoặc họ hàng của gia đình. Những người này có thể nắm tay, khoác vai hoặc chơi đùa.
- Ngón giữa - người quen như hàng xóm, bạn bè của cha mẹ - bé có thể bắt tay chào hỏi họ.
- Ngón áp út - gặp người mới gặp lần đầu, các bé có thể dừng lại ở mức vẫy tay chào.
- Ngón út - ngón tay xa bé nhất thể hiện cho những người hoàn toàn xa lạ hoặc người có cử chỉ thân mật, khiến bé thấy lo sợ, bất an, bé hoàn toàn có thể bỏ chạy, hét to để thông báo với mọi người xung quanh (Nguyễn Lan Hải, 2016).

Nguyên tắc 5 ngón tay giúp các em giữ khoảng cách an toàn, bảo vệ bản thân em trong các mối quan hệ hàng ngày

Lưu ý: cần giúp cho học sinh hiểu rằng, nếu người thân, người quen, người lạ mà gây cho các em “cảm giác khó chịu” cũng bị coi là “người đáng ngại”. Có thể “vi phạm” trong vài trường hợp ngoại lệ:

- Chen chúc chỗ đông người (va chạm vào nhau trên xe buýt, trong thang máy, nơi lễ hội, trên tàu thuyền,...), hãy xin lỗi vì đã làm phiền họ.
- Người khác cần mình “giúp một tay” (đỡ em bé bị té ngã, dắt cụ già qua đường, giúp người bệnh hoặc người khuyết tật).
- Tương tác khi sinh hoạt tập thể (nắm tay múa hát, tham gia trò chơi, nối vòng tay lớn).

Hoạt động 6: Rèn luyện kĩ năng phòng chống bạo lực cho học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được những yêu cầu cơ bản khi hướng dẫn thực hành kĩ năng phòng chống bạo lực cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- Học viên vận dụng các yêu cầu cần đạt để xây dựng nội dung kĩ năng phòng chống bạo lực cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Tổ chức chia nhóm cho học viên (không quá 5 học viên/nhóm).
- Giảng viên đưa ra yêu cầu: các nhóm thảo luận trong thời gian 5 phút, tự phân vai với nhau để thực hành kĩ năng phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu. Các nhóm được quyền tự do chọn những nội dung phù hợp theo nội dung bài giảng để sắm vai, các tình huống có thể sử dụng như: bị bạn trêu chọc, xô đẩy, giật đồ... và cách xử lí khi gặp tình huống đó.
- Mời các nhóm quan sát và góp ý. Giảng viên kết luận.



Thông tin cơ bản

1. Nội dung kĩ năng phòng, chống bạo lực cho học sinh khiếm thính

- Phân biệt được hành vi bạo lực và không bạo lực. Nhấn mạnh nội dung: hành vi bạo lực học đường là hành vi làm tổn hại thân thể, tinh thần và diễn ra trong phạm vi nhà trường.
- Nhận diện những tình huống có nguy cơ dẫn đến bạo lực: bạo lực vật chất, bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần; riêng với nhóm học sinh tiểu học khiếm thính có độ tuổi từ 12 – 18 tuổi, thêm vào nội dung bạo lực tình dục.
- Biểu hiện thái độ ứng xử phù hợp trong những tình huống bạo lực.

2. Một số biện pháp rèn luyện kĩ năng phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính

Ai là người lớn đáng tin cậy?

– Mục tiêu hoạt động:

Giúp học sinh khiếm thính biết cách nhận diện 1 người lớn đáng tin cậy để chia sẻ và được trợ giúp khi bị bạo lực trên đường tới trường.

– Phương pháp:

Đặt câu hỏi, thảo luận, trả lời.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. Chọn một trong hai cách: Chiếu clip “Tình huống bạo lực trên đường đi học, trong và sau giờ học) hoặc kể lại tình huống bạo lực trong trường học theo nội dung clip (người lớn có thể chọn tình huống mình đã từng gặp) bằng ngôn ngữ kí hiệu, hoặc kể chuyện theo tranh mô tả kết hợp ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh hiểu được nội dung tình huống. Sau đó, gọi 1 học sinh diễn đạt lại trước lớp 1 tình huống bạo lực trên đường tới trường (bằng ngôn ngữ kí hiệu, hoặc thông qua tranh học sinh tự vẽ).

Chia lớp thành các nhóm nhỏ (6-8 học sinh một nhóm), phân một nửa số nhóm thảo luận tình huống bạo lực trên đường tới trường, số còn lại thảo luận tình huống bạo lực tại trường theo câu hỏi gợi ý bên dưới:

1) Ai có thể giúp được các em trong tình huống này?

2) Các em dựa vào những đặc điểm gì để đánh giá một người lớn là đáng tin cậy?

Học sinh có thể sẽ trả lời:

+ Người sẽ giúp đỡ các em khi các em cần.

+ Người mà các em có thể nói bất cứ điều gì với họ, đặc biệt là vấn đề rắc rối các em đang gặp phải hoặc khi các em cảm thấy sợ hãi, bối rối.

+ Người khiến các em cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc khi ở bên cạnh họ.

+ Người biết lắng nghe các em và quan tâm đến vấn đề của các em.

+ Người đã từng giúp đỡ các em trước đây.

+ Người hiểu và giúp các em giải quyết được vấn đề và làm cho các em cảm thấy an toàn.

3) Các em hãy liệt kê 1 danh sách những người lớn đáng tin cậy của mình (bằng cách dán hình của họ/ vẽ tranh/ viết chữ...)? (Những người lớn đáng tin cậy có thể là: hàng xóm, giáo viên, hiệu trưởng, công an, cha mẹ của bạn bè...)

4) Em hãy viết tên 3 người lớn đáng tin cậy nhất trong cuộc sống của em? (phát giấy và yêu cầu học sinh viết tên lên đó).

Bước 2. Mời hai nhóm đại diện trình bày kết quả, các nhóm có cùng tình huống thảo luận cùng bổ sung. Sau đó người hướng dẫn sẽ tổng kết. *Không phải tất cả người lớn đều đáng tin cậy, trong khi có những người lớn cố gắng làm hại các em thì có nhiều người lớn sẵn sàng giúp đỡ các em. Nếu có ai đó tiếp cận, làm tổn thương các em, khiến các em cảm thấy sợ hãi, khó chịu, bối rối hoặc cảm thấy mình đang gặp nguy hiểm hãy tìm một người lớn làm cho em cảm thấy thoải mái và an toàn để được giúp đỡ.*

Làm thế nào để được trợ giúp khi rơi vào tình huống bạo lực?

– ***Mục tiêu hoạt động:***

Giúp học sinh biết cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị bạo lực ở trường.

– ***Phương pháp:***

Thảo luận nhóm, đóng kịch.

– ***Các bước tiến hành:***

Bước 1: Giải thích cho học sinh hiểu về tình huống em bị các bạn trong trường thực hiện hành vi bạo lực. Yêu cầu các nhóm trong hoạt động “Ai là người lớn đáng tin cậy” thảo luận và đóng kịch hoặc đưa ra cách giải quyết (cách ứng phó) cho tình huống của nhóm mình (không cần thiết phải diễn tả bằng ngôn ngữ kí hiệu, khuyến khích học sinh sắm vai xử lý tình huống để rèn luyện cho các em cách phản xạ, ứng phó cần thiết khi rơi vào tình huống bạo lực). Câu hỏi hướng dẫn thảo luận:

+ Em sẽ làm gì trong tình huống đó?

+ Ai có thể giúp được các bạn ấy?

Các nhóm thảo luận và trình bày kết quả thảo luận của nhóm hoặc đại diện hai nhóm lên diễn kịch tình huống ứng phó.

Người hướng dẫn tổng kết, liên hệ bài học: Khi bị bạo lực ở bất cứ đâu em không được im lặng, nhẫn nhịn, hãy mạnh dạn nói cho những người xung quanh, thầy/cô, bố mẹ để nhận được sự giúp đỡ kịp thời.

3. Một số thông điệp cần lưu ý cho học sinh khiếm thính khi rơi vào tình huống bạo lực, xâm hại

a. Trường hợp có nguy cơ xảy ra bạo lực

– Tránh tạo thêm mâu thuẫn với đối phương, tìm cơ hội để giải thích mọi hiểu lầm với đối phương (nếu có), thể hiện thiện chí và sự tôn trọng của học sinh với đối phương.

– Khi đi học hay tan học không nên đi một mình ở những nơi vắng vẻ, những nơi thường xuyên xảy ra bạo lực, mà cần có bạn bè đi cùng và nên đứng ở những nơi đông người, nếu gặp khó khăn phải cùng nhau đoàn kết lại để giúp đỡ lẫn nhau.

– Khi đi trên đường có người xin tiền hoặc có những lời nói dọa nạt thì không nên để ý mà giả vờ không nghe thấy, tiếp tục đi thật nhanh và tìm nơi đông người để được giúp đỡ, không nên đòi co, lời qua tiếng lại với những kẻ lưu manh, côn đồ. Nếu bị hại, không được im lặng, nhẫn nhịn hay tự mình giải quyết.

– Chia sẻ với người mà học sinh tin tưởng để được giúp đỡ.

b. Trường hợp bạo lực đã xảy ra

– Bản thân cần giữ bình tĩnh, cần tránh tạo thêm mâu thuẫn với đối phương hoặc trong trường hợp bất khả kháng cần khéo léo đáp ứng những yêu cầu của đối phương để tránh bị hại.

– Không được im lặng, nhẫn nhịn hay tự mình giải quyết, cần mạnh dạn nói cho thầy cô, cha mẹ và cơ quan công an biết:

– Dùng một dụng cụ nào đó có thể tạo tiếng vang to lên để gây sự chú ý và kêu gọi sự giúp đỡ của những người xung quanh.

– Khi thoát khỏi tình huống đó, nhờ sự hỗ trợ của người xung quanh để gọi điện thoại cho người thân, thầy cô, các cơ quan chức năng để được giúp đỡ.

– Chia sẻ với người mà học sinh tin tưởng để được giúp đỡ.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Câu hỏi

– Trình bày nội dung cơ bản về hỗ trợ hòa nhập, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính.

– Đây là những yêu cầu trong việc hỗ trợ hòa nhập, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính.

2. Bài tập thực hành

Thực hành một trò chơi hoặc một bài tập để hướng dẫn học sinh khiếm thính phòng, chống bạo lực / xâm hại.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Văn Sơn (2017), *Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Huỳnh Văn Sơn (2017), *Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lucker, JL (1991), Mainstreaming hearing-impaired students: Perceptions of regular educators. *Language, Speech, and Hearing Service in Schools*; 22, 302-307.
4. Nguyễn Lan Hải (2016), “*Cẩm nang Giáo dục giới tính giúp trẻ tránh bị xâm hại – “Luật bàn tay” và “Nguyên tắc đồ lót”*”, NXB Phụ nữ.
5. Sandy Niemann, Devorah Greenstein, Darlena David (người dịch: Nguyễn Thị Thục An, Đinh Bích Hạnh, Nguyễn Thị Cẩm Hương) (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động - Xã hội.
6. Ona Needelman (2015), Views of Deaf Teachers on Sexual Awareness and Prevention of Sexual Abuse among Deaf Children and Youth, *Journal of Child and Youth Care*.
7. Suarez, M. (2000, Fall), Promoting social competence in deaf students: The effect of an intervention program, *Journal of Deaf Studies and Deaf Education*; 5 (4), 323-336.